

M 4818 (H)



PHONG TỤC KÝ

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

1921/1922

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

TỰA

Thiên hạ phàm nước nào cũng có phong tục nước ấy, xem phong tục, thì biết được nước ấy khôn hay là dại, thịnh hay là suy, quan hệ lắm lắm. Nước ta ở gần nước Tàu, phong tục theo nước Tàu nhiều, song bất chiệc thường hay sai, mấy nghìn năm, mỗi ngày mỗi tệ hơn, chúng ta theo quen thành tự nhiên, mà chúng ta không biết. Nay phong hội rộng mở, được xem sách các nước, được biết tục các nước, so sánh lại thời nước mình tục nào tốt, tục nào xấu tự hình hiện ra. Vậy tôi xin soạn lấy mấy điều, dưới lại bàn qua, không phải dám đòi đặt gì đâu, tả để những người chưa học xem biết. Tục tốt xin giữ lấy, tục xấu xin đòi dần; hề tục có tốt rồi, mới sinh ra được trí khôn, mới có cơ thịnh vượng được.

Bắc-ninh ngày tháng giêng năm 1906.

PHẠM-HUY-HỒ



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

40115



PHONG TỤC KÝ

I

Kinh thờ tổ-tiên



Nước ta các họ chẳng cứ giàu nghèo, họ nào cũng đóng tiền bạc, làm nhà-thờ ông thủy-tổ; mà tổ nhớ giữ đời đời, mỗi năm cúng tế lấy tiên-tổ các chi phôi hương, trước thành kính người chết, sau họp mặt người sống, họ hàng hòa thuận yêu nhau. Chi nào cũng có nhà-thờ ruộng-kì, tuần tiết cúng bái, gia phả thế thứ 家譜世次 phân minh. Người trưởng họ và người họ trong năm đời chết, phải để chỗ không dám dự việc vui mừng.

Nay xét, có tục kính thờ tổ-tiên ấy, mà tự nhiên biết suy ra sự khác nữa: một là, biết tiếc trọng thân mình để phụng sự hương hỏa; hai là, biết ăn ở phúc đức để con cháu lâu bền. Và lại biết quý ông-tổ, thời biết quý họ, quây quần đoàn kết lấy nhau, họ nọ họ kia, tích vô số họ, thành ra nước nhơn. Có một tục ấy mà thành ra công hiệu như thế, mới biết rằng người xưa mưu tính xâu xa. Ta, trí khôn ngày mở, rồi ra tục đời còn nhiều, duy tục ấy là quốc túy 國粹 của ta, chắc hẳn đời đời giữ mãi.

Song tôi thiết tưởng, nay ta mỗi chi lại có một nhà-thờ, mỗi nhà lại có bàn thờ tư, thời cũng phiền lắm, và cúng bái không được từ tề. Ví thể cả họ chung nhau làm một từ-dương, dựng vài cái biển, viết tên tự ông thủy-tổ giờ xuống, mua ruộng-kì đặt tiền-công, trong họ phạm người vô hậu có của, thời đem vào cúng tiên. Đặt người trưởng họ thủ từ, mỗi năm cả họ hai kì hội tế, mà chi nào, nhà

nào có kị, hoặc có sự gì cầu đảo, thời đèn cả từ-đường. Như thế thời từ-đường được tôn trọng uy linh, mà họ có tiền công, lại làm được nhiều sự lợi công cho họ nữa.

II

Sùng thượng đạo Nho

Người nước ta theo đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão, còn các đạo khác nhiều, song ai cũng biết tôn đạo Nho làm nhất, dầu người không học cũng vậy. Làng nào cũng có văn-chỉ, xuân thu kinh tề tiên-thánh tiên-hiền, dầu mảnh giấy chữ cũng kính tiếc không dám bỏ rơi. Người học biết chữ thì ai cũng kính trọng, cái gì cũng bắt chiềc nhà nho. Ở trong làng người cấp sách đi học, thì tập-dịch hết trừ; dự trúng khoa-mục, thì cả làng tôn kính. Học thầy không cứ lâu chóng, được nhờ hay chẳng được nhờ, học một ngày cũng tôn kính làm thầy, không dám quên ơn. Thầy chết giủ nhau đóng tiền làm tang và làm nhà-thờ, mua ruộng-kì, thường có nơi lưu truyền đến mãi đời con đời cháu.

III

Trọng điều danh nghĩa

Hiền thảo cha mẹ, dễ thuận anh em, ai cũng biết lấy làm sự tốt, dầu trong bụng không thực, ngoài mặt cũng biết giả cách. Tiều-nhân đạo-tặc cũng biết lấy điều bất-hiền, bất-đễ làm xấu, mà biết khen chê.

Bày tội với vua, ngộ khi hoạn nạn lưu li, hết lòng hết sức, lấy chết về việc trung nghĩa làm vui. Dân gian nhà quê

cũng biết báo đáp; người nhà vua đi đến đâu, dân gian kính mến, dân-ông dân-bà một lòng như vậy, phong hóa thấm thía vào bụng người ta đã lâu, tự nhiên như thế.

IV

Đàn-bà chuộng trình tiết

Con gái khi còn ở nhà, chín chắn lễ nghĩa, ai đùa bỡn biết xấu hổ, dầu có lòng chung tình với ai, cũng nhường quyền người trên, không dám tự quyết. Khi đã lấy chồng, một lòng với chồng, không chút ngoại tình. Đã dành lúc nào chẳng có người hư, nhưng cũng không mấy. Và lại biết dâm-ô làm sự xấu, mà biết sợ chê cười. Ai bất hạnh góa chồng, lấy việc thờ chồng, nuôi con làm trọng; bất-dắc-dĩ, không con, hoặc nghèo khó, mới phải tái giá. Người góa trẻ cùng người phải hoạn nạn, tử tiết rất nhiều, triều-đình bao phong sót không biết hết.

Đã về nhà chồng rồi, lấy sự nuôi chồng con, coi cửa nhà làm chức phận mình, hay dờ tự nhận lấy, không dám oán trách chi chồng con. Buôn bán, làm ruộng nặng nề khó nhọc như dân-ông; mà người nào hiềm con lại lấy vợ lẽ cho chồng, đẻ sinh con nối dõi tông-đường. Tuy rằng chẳng khỏi ghen tuông, song cũng thực là đại-lượng.

Lại thường có người an ở việc làm ám hợp sách-vở, hơn người dân-ông có học.

Đền như bà Trưng-Trắc ở phủ Vĩnh-tường thì lại anh hùng, thiết làm thủy-tổ dân-bà khắp thế giới nữa, lưu tiếng muôn đời; xem sách Quốc-sử thì biết.

Nay xét nước ta dân-bà không học mà tính hạnh tốt thế,

ví thế cho học thì hay biết chừng nào! Còn như chữ trình-tiết quí lắm, mà lại khó hơn chữ trung-nghĩa nhiều. Nhiều người mọ quá hóa nhảm, góa chồng cô ở vậy đèn nõi khôn ba năm đại một giờ. Cho nên góa ở vậy được là nhất, tài giá là sự thường cũng không sao. Chữ trình-tiết dễ nhường người thượng-đẳng, chớ có mua danh lại hóa bán danh, xấu quá.

V

Học-hành

Ai có con lên bảy tuổi cũng biết cho đi học, thầy-học trước dạy khai tâm sách Tam-tự-kinh, Tứ-tự-kinh, sách Bác-sử, sách Đại-học, sách Luận-ngũ. Cũng có nhà học hết bộ sử rồi mới học Tứ-thư, Ngũ-kinh. Khi mới học, dạy câu đối một chữ, hai chữ, dần dần câu đối thơ bảy chữ, câu đối phú mười chữ giở ra. Học hơi thông mặt sách rồi, dạy làm bài đoạn, thơ, phú, tứ-lục, kinh-nghĩa, văn-sách: thế gọi là văn-chương. Đối là cái này đối với cái kia, như *giời* thì đối với *đất*, *giời đất* thì đối với *núi sông*; đoạn là bõ công việc đời xưa phải trái, xem nhà bàn trước nói sao thì phải bắt chước làm vậy: thơ phú thì hai câu đối nhau mà có vần. Đại khái như ra đầu bài « *mặt-giăng* », thì phải làm rằng: *mặt-giăng* khi lặn, khi mọc, khi khuyết, khi tròn, mà lấy *mặt-giời*, *vi-sao*, *mây*, *mù*, *mưa*, *gió*, nói ánh vào, hoặc sự năng *Hằng-nga*, con *Ngọc-thỏ*, cây *Ngọc-quê* bàn thêm. Bao nhiêu sự xưa nói truyện *mặt-giăng* hết dần vào, mà câu đặt cho tốt đẹp. *Tứ-lục* là lấy truyện các sách sử, hoặc truyện đời nay ra đầu bài. Có bài *chiêu*, bài *biểu*, bài *luận*; *chiêu* thay nhời vua nói, *biểu* thay nhời

quan dân tâu vua. Hai bài ấy hạn mỗi câu bốn chữ, sáu chữ giở lên, cho nên gọi là tứ-lục. Bài-luận bàn sự đời xưa đời nay khen chê. Kinh-nghĩa là lấy nhời nói thánh hiền đời xưa, một câu hoặc nửa câu ra đầu bài. Người làm bài thay nhời ông thánh hiền mà bản nói rộng thêm. Văn-sách cũng như bài đoạn, mà dài, chấp bảy tám đoạn, chín mười đoạn, sau lại hỏi thêm một đoạn văn Kim. Đại khái như hỏi rằng: « *Việc ấy triều-đình làm thế mà không tốt, bây giờ muốn tốt thì làm thế nào?* » Học trò đáp lại đã có lời; đáp rằng: « *Triều-đình làm như thế mà chưa tốt, là tại làm chưa cô sức. Nay tôi xin triều-đình cứ làm như thế mãi, mà cô thêm lên, tự nhiên tốt thôi, không phải cầu đâu cả.* » Ấy nước ta học-hành thi-cử cách thức như thế.

Nay xét phép học, phép dạy ấy thật là vô ích. Trẻ con sáu bảy tuổi, nói tiếng ta chưa khắp, mà đã dạy nói tiếng người, chữ người. Chưa dạy tiếng một chữ một, đã dạy phép câu, dạy nghĩa lý; trái hết cả cách tự nhiên. Huông chỉ những sách ấy nghĩa lý cao xa lắm: sách nói tính lý, sách nói chính trị. Người nhớn chưa học cũng chẳng nghe ra, huông chỉ trẻ con mười lăm tuổi giở lại; thực làm lập cả tính thông minh giới cho. Đến khi học đã thông mặt sách, dạy làm văn-chương, nói những sự viển vông đời xưa, thực làm buộc cả trí khôn người lại. Học rất khó, bởi vậy nhiều người học đến nửa chừng rồi bỏ. Người nào khổ trí cố gắng, cũng không thêm kiến thức gì. Cho nên nhiều người văn-chương rất thông, xem câu văn, sinh lòng kính trọng; kịp xét ra có người việc vặt trước mắt, cũng chẳng biết một thí, ăn nói đi đứng, hình dong bỉ ố, chẳng hơn chi người không học.

Ta nhận nhầm người hay chữ làm tài, cho nên thầy

người hay chữ tính hạnh việc làm thế nào, ta điều bát chước cả. Phong tục hư hoại, tại vì thế nhiều; không biết rằng văn-chương với trí khôn, đạo đức chia làm hai, không can hệ chi đến nhau. Cho nên đức thánh Khổng ta có câu rằng: « *Người có đức tốt, tức là có nhờ nói tốt; người có nhờ nói tốt, chưa hẳn đã có đức tốt.* »

Hễ thi cử đậu thì rằng: « *Xong nợ!* » Không biết xong được cái nợ gì?

Hay chữ có tính kiêu ngạo, cho làm thường tình.

Hay chữ có tính hay dâm, cho làm Văn-Tĩnh chiều mạnh.

Không biết ở sách nào nói, thấy sô thật khéo nịnh người!

Cả nước trọng học trò hay chữ, cho làm hết bản-phận, còn các việc khác không biết cho làm sự thường. Việc ruộng nương không biết; rằng các ông học trò ấy mà! Việc quan không biết làm; rằng văn học hành có quen việc quan bao giờ! Đánh giặc không biết; rằng các ông ấy yêu đuôi ấy mà! Ra ngoài không biết một thí gì; cũng rằng các ông ấy văn học, đi đâu bao giờ! Ông đồ không biết cái gì, cho làm sự lý tự nhiên, mà ông đồ cũng nhận lấy làm sự lý tự nhiên như thế.

Ai đã già không đỡ, hoặc đã đỡ rồi mà chưa làm quan, thì không phải chăm văn-chương nữa, khi ấy hay rộng xem các sách ngoài, tự nhận làm hay ngay. Hay thiên-văn, hay địa-lý, hay tướng, hay sô, hay nhâm, hay bói, hay thuốc, thi lễ cũng hay. Thường rằng: « *Vạn sự khởi ư nho, nhất nghệ bất tri, nho giả sở si* (萬事起於儒一藝不知儒者所恥) ».

Kỳ thực trừ ngoài câu văn-chương, không còn tư-tưởng gì, trừ ngoài việc thi-cử, không còn sự-nghiệp gì. Có người mở tràng dạy học, đặt trường-tràng, giám-tràng. Có quyền

sở biên tên học-trò, gọi là nhờ Thánh-trạch (聖澤). Khi nhà thấy có việc hiếu việc hỉ, thì trưởng-tràng bỏ tiền giúp thấy, gọi là tông lễ đồng-môn. Người nào nghèo không đóng được, thì trưởng-tràng vào nhà bắt đồ vật, hoặc bắt người giam; bảo rằng người ấy không có đạo-thông. Song tục ấy các cụ khi trước cũng nhiều tràng đã bỏ. Khi thấy mặt thấy đót sở đồng-môn; nhưng đạo thấy trò chẳng có ai dám quên khi nào.

Sự học hành riêng của đàn-ông. Đàn-bà không học, các nhà đại-gia cho học qua biết biên sở, không cho học nhiều, bảo rằng đàn-bà chỉ buôn bán, xem sóc cửa nhà, vò tương, trính mằm, học nhiều thông minh không tốt.

Nay xét đàn-bà, sách gọi là nội-trợ, nội-tướng, nghĩa là giúp đỡ chồng con, xem sóc cửa nhà, dạy bảo con cháu, gia nghiệp thịnh suy quan hệ nhiều lắm, đã không học thời ngu gàn, làm cái ách cả đời. Và lại trẻ con khi ở trong thai, khí huyết chung với mẹ, lọt lòng đèn khi nhón, tai mắt liền với mẹ, người mẹ tính khí hình dong thế nào, truyền nhiễm hết cho con. Đã không học thời đức tính không tốt, điều thai giáo, mẫu giáo không có, phép nuôi trẻ không biết, nhẽ nào mà sinh được con khỏe, con khôn? Con xấu yêu vợ chồng đồ lẩn, con nghịch ác, sự chủ trách quanh, ai biết đâu vì tại đàn-bà không học! Thỉnh thoảng cũng có người học thông thái mà chẳng ra chi, là tại cũng chỉ học văn-chương, thời dẫu đàn-ông, cũng chẳng ra chi, huống chi đàn-bà.

Xem ra, ta nhiều sách, mà kỳ thực không có mấy quyển làm sách học được, chỉ có một bộ Quốc-sử nên học, mà lại bỏ, đi học Sử Tàu, không biết khi trước bụng ta nghĩ thế nào? Còn như Ngũ-kinh (五經), Tứ-thư (四書), cũng

không phải sách học. Nói ngay như một bộ Luận-ngữ (論語), là khi ấy Đức-thành nói truyện, môn nhân nghe được câu gì biên câu ấy, hoặc trông thấy Ngài làm việc gì biên việc ấy, không có thứ tự, chưa thành sách. Thê mà ta đem lầy làm sách dạy học, câu trước đương giảng chính-trị, câu sau lại giảng học-hành, câu trước đương giảng nghĩa chữ Nhân, câu sau lại giảng nghĩa chữ Hiếu. Người học đòi ruột không thể nhận được, nghĩa là học biết mặt chữ để biên chác, thông nghĩa sách để làm văn, không biết rằng học để biết đạo làm người, học để có kiên thức. Vậy nên không biết ngâm nghĩa lầy nghĩa lý tư tình như sách dạy. Ta ai được tính hạnh tốt là nhờ phú tính tự nhiên: nhờ vì học mà biến hóa khí chất thời có ít lắm. Nghiệm ta nhiều người không học, mà cư sử hơn người có học, thời biết.

Tóm xét lại phép dạy học ta sai rồi. Nay chúng ta nên lầy Kinh Truyện (經傳) chỉnh-văn phân ra từng môn mục, chọn các bài bản hay phụ chép vào, các sách Tử (子) cũng vậy, các sách Sử (史) soạn rút ngắn lại. Còn để sức mà học thêm sách Tầu mới dịch. Lại cắt cử nhau sang Tây học cách-trí, bác-vật và các nghệ, dịch ra chữ Quốc-ngữ mà dạy nhau. Xin nước Bảo-hộ đổi lại phép thi, thi ba thứ chữ, mà thi ở tại học-đường, như thê mười năm đã tàn tới khá. Nay những người biết học, ai cũng bàn cách thê.

VI

Buôn bán

Ta người thành phố mở cửa hàng, người nhà quê bán các chợ, những đàn-bà cả. Buôn bán đồ nặng đường thủy, đường bộ, các tỉnh thời có một nửa đàn-ông, song cũng quanh quẩn ở y tỉnh gần thời, xa nhất thời người chung-

châu đi đến xứ Thanh, xứ Nghệ là cùng, người biên-viên đi đến các thung, các lũng là cùng. Dem tơ lụa vào, dem cau mắm ra, dem đồ hải vị lên, dem đồ sơn hào xuống.

Xem kỹ những đồ hàng ta bán, chừ ngoại những thức đồ ăn ra, thời đồ ngoại-quốc mười phần có đến tám phần: đồ nhỏ nhất như ngọn bút, thoi mực, cái kim, sợi chỉ, cũng mua lại của Tàu; tiền vớt đi như là: pháo đốt, giấy mã một năm cũng có đến mấy vạn bạc.

Ta có tính hiệu danh, vào mua hàng hiệu khách là người qui khách, có tính hiệu thắng, đã vào hiệu thời mua cho được. Người Tàu biết tính chất mình, vừa bán vừa mánh đuôi mà vẫn lẫn vào.

Nay các hiệu khách cũng bán cả đồ hàng ta, như là nhung, què, kỳ, chằm, the, lụa, ống thuốc sơn, chap tròn sơn, ai chẳng biết rằng buôn lại của ta, nhưng cho rằng các chủ thực thà mua được của tốt.

Ta chỉ có gạo, ngô, sơn, tơ, vài thức ấy lấy được tiền ngoại quốc. Song những người khách buôn cả, mà lại có quyền rìm giá, ta cũng không được lãi chi mấy hột.

Mấy năm nay ta nhiều người tiêu dùng đồ mình, để cho thương nghiệp ta phân chấn, nhưng đồ xấu lắm mà lại có cái không tiện. Cũng nhiều người giũ nhau lập hội công-ty. Có một người học-trò bảo rằng: « Ta lập hội thương tôi
« mừng lắm, nhưng tôi xem bên Tây học phổ-thông (普通)
« rồi lại học thương-chuyên-môn mấy năm, rồi mới mở
« hội buôn bán, nay ta chưa học một ngày nào, có nhẽ nào
« mà lâu dài được! Buổi đầu không cẩn thận, rồi làm lập
« lời người sau. Nhược bằng đã chót hội tiền rồi, thời xin
« gửi một bà hàng phố nào từ tề buôn hộ, đồng niên sinh
« một phần lãi thời hơn. » Nời nói ấy hình như khinh bạc, thử găm xem sau làm sao!

VII

Làm thợ

Nước ta các nghề khéo đã lâu, xem như đời Ngô cai trị, bắt hơn một ngàn người thủ-công (手 工) đem về đất Kiên-nghiệp, thời biết (khoảng lịch tây năm 260). Nước Tàu có cái gì thời ta làm được cái ấy, như làng Bát-tràng làm đồ sứ, làng La-kê giết 'gâm, vóc, the, nhiều, còn lụa vải và đồ dùng khác, tỉnh nào cũng có, thật là tinh xảo.

Song phải một tính hay tham, bán được rồi thời làm kém đi để được nhiều lãi. Công phải nhờ thương, đồ xấu người thương bán không mạnh, mới buôn đồ Tàu; người ai chẳng ghét xấu chuộng đẹp, mới dùng đồ Tàu cả, bởi vậy hàng Tàu mỗi ngày mỗi lên, mà nghề thợ ta một ngày một ề, thật nghiệp.

Ta lại có tính khinh các nghề thợ làm ề tiện, vậy nên người thông thái ít học. Nay Hà-nội có một người thợ khảm chuyên thần, ví ở bên Tây đã có danh tiếng, mà ta thời cũng cho là một người thợ hèn thời.

Lại lỗi tại quan ta thừa trước nữa, làng nào có thợ sản gì thời bắt đem tân công, lại mua giả giả nội. Thậm chí người lính nhà bếp đi chợ cũng mua giả giả nội, các phường cá, phường thịt giủ nhau cùng chịu thiệt. Thường có nơi có cây vài cây nhãn ngon phải chặt bỏ đi, có nơi lễ tiền xin bỏ lệ tân công, thế thời làm sao mà có được vật lạ của ngon?

Ta mấy năm nay đồ khảm, đồ thêu, đồ bạc, đồ chạm, khéo hơn trước biết chừng nào, là tại nhờ có người Tây biết của chuộng mua, công bình nên thế. Tự giờ cứ mỗi năm

đâu sảo khen thưởng thê, rồi nước ta nghề khéo cũng chẳng kém chi các nước bên ngoài.

VIII

Làm ruộng

Ta tự khi mới dựng nước đã quen chăm nghề làm ruộng rồi, không có sách dạy, chỉ khẩu truyền mà các xứ như nhau. Ruộng nào nên cấy lúa gì, mùa nào nên giống thức gì, biết lựa chọn cả. Quanh năm cần khổ, không để nghỉ miêng đất khi nào; khi cấy khi gặt, đánh đổi công dúp lẫn nhau. Đền ngày mùa xem thật là điển gia lạc thú (田家樂趣).

Song chỉ không biết giủ nhau đảo hào, đập bờ phòng khi hạn, khi lụt, chỉ trông cậy nhờ giờ thôi. Vậy nên có câu ca rằng: « Mồng chín tháng chín có mưa, mẹ con đi « sớm về trưa mặc lòng; mồng chín tháng chín không « mưa, mẹ con bán cả cây bừa mà ăn. » Làm lụng thê thì sao chắc chán được?

Lại không biết sự lợi công, không bảo được nhau. Cùng chung một cánh đồng mà người cấy lúa chiêm, người cấy lúa hiên, người tháo nước đi, người đắp nước lại. Vậy nên có khi thiên-hạ được mùa, mà một làng mình phải mất mùa riêng.

Nay xét, phạm làm nên sự giàu có chỉ nhờ về công, thương, nông. Nay nước ta, nghề công, nghề thương đã kém lắm rồi, chỉ còn một nghề nông này là còn có cơ kiếm đủ ăn được. Nay tuy rằng dê vỡ, nước ngập, mấy năm nay nhà nông khổ nhiều. Song sự ấy Nhà-nước Bảo-hộ rồi tất

phải lo tính cho ta không ngại. Xin ai có miếng đất nào thì cố giữ lấy mà làm rồi sau hay lắm.

Còn các tỉnh biên-viễn, đất tốt bỏ hoang vô số. Vì thế người có của, có trí học lấy phép canh nông hóa học mà đi khai khẩn lập ấp, thì thật chóng giàu. Nước ta là một nước nông-quốc (農國), biết chăm làm ra, thực đủ địch phú lại với các nước hoán cầu. Song tất phải nhờ ơn Nhà-nước bảo hộ cho, như các đời chúa nhà Nguyễn ta khi ở Nam-kỳ, thì mới chóng thành được.

IX

Tôn giáo

Nước ta người theo giáo có bốn thứ: một rằng Nho giáo (儒教) hai rằng Phật giáo (佛教) ba rằng Lão-Tử giáo (老子教) bốn rằng Đa-Tô giáo (耶穌教) Người Trung-Quốc, người Nhật-Bản lắm sách rằng ta nửa theo Nho nửa theo Phật. Chẳng những người ngoại quốc bảo ta thế, dầu ta cũng tự nhận ta thế. Song xét ra không phải: đạo Đa-Tô theo ít không kể, đạo Nho không gọi là Tôn giáo được, cũng không kể, còn Thích, Lão hai đạo ấy thời thâm thía vào óc ta đã mấy nghìn năm, đã luyện hợp với Nho giáo làm một rồi. Ai đã theo một, thời tất kiêm cả ba, không tách bạch rằng ai theo đạo nào, ai không đạo nào được. Chẳng cứ người tầm thường thế; dầu bậc đại-nho miệng vẫn thường bĩ báng Phật, Lão mà tính khí, ăn ở, việc làm, điều tiêm nhiễm Phật, Lão cả, mà không biết. Song theo Pháp chỉ có cách thức một thì thời, theo Lão thời được cả cách thức, cả tinh thần, mà trong đám nhà nho ta thời lại theo được tinh thần ở trong tinh thần.

Nay xin kể đạo Phật, đạo Lão như sau này: thuật sô, mưu mẹo, phóng phiêu, nhả nhục, thanh tĩnh, vô sự, chán đời, riêng mình, ấy là tinh thần đạo Lão. Từ bi, bỏ thí, hùng dũng, quyết đoán, rộng yêu, bình đẳng, liễu mình cứu đời, ấy là tinh thần đạo Phật.

Đồng cốt, phù thủy, ma quỷ, thần tiên, cầm kị kiêng khem, nương tai, kỳ phúc, ấy là cách thức đạo Lão.

Chay tiêu, phá ngục, xám hồi, tụng kinh, cầm sát sinh, giới sắc giục, ấy là cách thức đạo Phật.

Còn như nói sự họa phúc báo ứng, thời đạo nào cũng có, chẳng cứ hai đạo ấy, chỉ nói hơi khác nhau thôi. Ta xem đức tính hai đạo ấy, mà ngấm vào phong tục tính khí ta, thời ta theo đạo nào ta khác biệt.

Đạo Nho làm sao không gọi là Tôn giáo?

Tôn giáo nghĩa là đặt nên cách thức, bắt người ta phải theo, như bên Phật thời lẩn hạt, tụng kinh, chay tiêu, xám hồi; bên Da thời xưng tội, rửa tội, cầu nguyện, giảng kinh, giảng sự thiên-đường, địa-ngục, họa phúc khuyên răn, như thế mới gọi là Tôn giáo. Nhược bằng đạo Nho chỉ dạy luân-lí, đạo-đức, chính-trị, kinh-tê, có nói họa phúc bất quá nói qua: làm thiện gặp thiện, làm ác gặp ác, mà thôi; không nói họa phúc kiếp sau, kiếp trước, không đặt cách thức, không rủ ai theo, không gọi là Tôn giáo được. Vậy nên người Tây làm sách lấy đức Khổng-tử (孔子) sánh với bên Tây ông Thoa-cách-lạp-đề (Socrate), không sánh với ông Da-Tô (Jésus-Christ), thật dứt phải.

Nay nước ta người theo Nho chê Phật dị-đoan, chê Da là đạo; người theo Da chê Nho, Phật đạo dôi, quỷ ma cám dỗ. Nay thử hỏi người Nho rằng: « Thế nào là dị-đoan, tà đạo? » thời người ấy đáp lại rằng: « Phật nói họa phúc,

báo ứng, hoang đường viển vông. Da không biết cúng bái, không có tiên tổ. » Thử hỏi người theo Da rằng: « Thế nào là quỷ ma cảm rõ? » thì người ấy đáp rằng: « Nho, Phật tin cúng bái, không kính Thiên-Chúa. »

Những người ấy không xem sách, chẳng biết nghĩa lý, ý tứ các giáo thế nào, hễ chỉ thấy khác mình thì bĩ báng thôi, nhời nói không có kiên-thức, nghe muôn buồn nôn. Nay, trừ đạo ông Lão-tử không thiết thời buổi này, không kể. Còn đạo Nho, đạo Phật, đạo Da, đều là các Ngài vì thời buổi bây giờ mà dạy bảo, phải cả, hay cả; về sau, đạo nào cũng có tệ, là tại người sau sai nhảm. Các Ngài đều là người Á-châu (Asie) ta, đều bậc đại thánh cả, đã lay một thì phải lay cả ba, tùy tính ai ưa đạo nào thì theo đạo ấy, chớ có bĩ báng mà người tri thức chê cười.

Nhân bàn rộng nghe: Nay nhiều người thấy nước ta đạo Phật sai nhảm, muôn cảm bỏ. Không biết rằng phạm Tôn giáo đạo nào cũng ích cho người, chẳng cứ giáo Phật, giáo Da, dầu giáo Viên-liêu-Phẩm, giáo Trương tiên-sư cũng vậy, giáo nào cũng chỉ khuyên người làm thiện đổi ác, đặt nên cách thức, dựng cái cột cho người làm chừng, sớm tối nào điều thiện cũng đọc luôn miệng, nghe luôn tai, rất dễ cảm động vào trong óc. Bởi vậy xưa nay anh-hùng hào-kiệt các nước Tây, nhiều người ở trong đám Da giáo sinh ra; nước Nhật-bản nhiều người ở trong đám Phật giáo sinh ra. Và lại thiên-hạ bậc thượng trí có ít, bậc hạ-lưu thì nhiều, tất phải có Tôn giáo để người ta răn sợ. Nước ta đạo Phật tuy rằng nhảm thật, nhưng cũng nhờ nhiều, vì không có thì những người không học, và đàn bà thành ma quỷ hết.

Nay ví thế ai có chí, đem các kinh Phật soạn ra dịch lại, sửa cách thức lại; tùy cơ dạy bảo rất chóng; cảm bỏ

thì thật không nên. Hễ đến khi người đã học khôn, tự nhiên lòng không mê hoặc nữa, thì Tôn giáo những cách thức rườm rà khác hết. Xem như các nước bên Tây, năm 1518, ông Mă-dinh Lô-dắc (Martin Luther) đổi lại giáo mới, chỉ theo đạo-đức ông Đa-Tô (Jésus-Christ), không theo cách thức các môn-đồ cũ, bỏ tượng gỗ, chẳng xưng tội, các cụ đều có vợ con. Mà nay nhiều người chỉ học đạo làm người, chẳng theo đạo nào cả. Nước Nhật-bản vài mươi năm nay chưa sự cũng phá giới, lấy vợ, ăn mặn. Hễ cách thức hết, thì giáo nào cũng giống như đạo Nho. Đức Khổng-tử câu « thiên-hạ đại đồng » (大同) rồi nghiệm.

X

Cúng bái

Tục cúng bái Thần, xét đời thượng-cổ, nước nào cũng có. Nước ta từ vua Đinh-tiên-Hoàng (丁先皇) từng đạo Phật, vua Lý-thái-Tôn (李太宗) làm nhiều chùa, vua Trần-anh-Tôn (陳英宗) dùng thầy đạo-sĩ nước Tàu là Hứa-tôn-Đạo (許尊道), ý giảng từ ấy giờ đi cúng bái mới thịnh. Nước ta cúng bái nhiều khoản lắm, chép qua sau này :

Mỗi một làng có một đình thờ Thần, Thần hoặc người Tàu, hoặc người ta, hoặc cảm ơn công-đức mà thờ, hoặc mên tiếng anh-hùng mà thờ; song cũng có các đời vua phong các quan có công làm phúc-thần, bắt làng phải thờ; cũng có làng thờ hai ba Thần, cũng có làng gặp người trộm cướp chết thiêng tá khẩu ứng mộng mà thờ.

Mỗi thôn có một miếu thờ Thổ-thần; mỗi làng lại có một chùa thờ Phật, hoặc có làng hai chùa, cũng có người làm

riêng một chùa thờ. Làng nào chưa có chùa, thì rằng không chùa thì làng không thịnh vượng; vậy nên nghèo cũng cố sức đóng tiền bạc. Kỳ-dịch hợp các vải làm giấy, đi khắp các tỉnh mời người cúng tiền, gọi là khuyển-giáo. Các phò mới lập, thì hay thờ ông Quan-công (關公); ông ấy là bề tôi trung-nghĩa đời Hậu-hán bên Tầu, người Tầu ở bên ta hay thờ, vậy ta bắt chước. Hoặc có phò thờ ông Trần-hưng-Đạo (陳興道); ông ấy họ tôn-thật nhà Trần, có công đánh giặc nhà Nguyên ở sông Bạch-đăng (白藤); song người thờ Ngải, là bảo rằng: Ngải trừ tà ma, không phải biết nhớ công Ngải đánh giặc.

Mỗi tỉnh có nhà văn-miêu thờ Đức-thánh Không-tử, miếu này quốc tể. Mỗi phủ, huyện các người văn-thân, hào-mục làm miếu tể Thánh, gọi là văn-chỉ.

Mỗi tổng, mỗi xã có một chỗ bệ xây lộ thiên, đèn ngày xuân, thu, một năm hai kỳ thiết-vị tể Đức-thánh Không-tử và lấy các người khoa-mục trước trong làng mình phôi hưởng; song cũng nhiều làng chưa có, không được thịnh như đình, chùa.

Các nghề-nghiệp các hàng-họ, cũng kết hội, kết phường mỗi năm tể tổ như thợ mộc, thợ nề, thợ thêu, thợ bạc, hàng thịt, hàng cá, linh lệ, phường chèo; nghề nào không biết hiệu ông tổ là tên gì, thì đều gọi là tể Thánh-sư. Còn người chêt thiêng lên đồng ứng khẩu, làng làm điện, miếu, mà thờ cũng nhiều.

Ấy là thờ cúng công, còn các nhà cúng riêng thì chép qua sau này: Có nhà thờ ông Táo-quân (灶君) là vua bếp, ông ấy giữ việc đồ ăn nấu chín; nhà thờ ông Thổ-công (土公), Thổ-công là Thổ-thần, ông ấy giữ cõi đất ở bình-an; nhà thờ ông Tài-thần phủ hộ đất hàng, phát tài; nhà

thờ Phật-bà Quan-âm (觀音) phù hộ thịnh vượng; nhà thờ ông Quan-công (關公), ông Hưng-đạo (興道) đề đuổi trừ tà ma; nhà thờ con hổ vẽ năm sắc; nhà thờ bà Liễu-hạnh, các bà, các cô, chư vị. Còn thờ nhiều danh hiệu lắm, không sao biên hết.

Hoặc nhà thờ ba bốn vị, mỗi tháng, ngày sóc vọng, cùng các ngày tết và ngày húy-nhật cũng cúng cả.

Các cây đại-thụ, có hương, vàng, đồ mã cúng nhiều, rằng: Thần hay thưởng phạt ở đó. Các gốc cây thường có bình vôi vờ mẻ để nhiều, là nghĩa rằng: bình vôi có Thần, sứt mẻ không nỡ bỏ đi, đem ra đó để được phôi hương.

Người chết đường, không ai nhận, chôn bên cạnh đường đi, mà mỗi ngày mỗi to, có cái dài cao mười thước, vàng, hương đốt luôn. Là tục cho làm chết đường không ai cúng thì thiêng. Những người buôn bán đi qua, khấn phù hộ bình-an, phát-tài, mỗi khi đi qua lại đắp một hòn đất, hôm nào đi được như ý, thì lại thêm vàng, hương, lễ tạ ông Đồng.

Hai mươi năm nay, đường cái sửa lại, các ông Đồng mất nhiều.

Tật bệnh hay xem bói, thầy bói bảo vị nào làm, thì cúng; hoặc mời thầy phù thủy bắt tà, hoặc đèn các đèn phụ đồng, bảo cúng đâu cúng đó; hoặc động mả, động bếp, thì bêu mả lại, xây hương bếp lại; bệnh nặng thì làm người hình-nhân thẻ mạng, đốt vàng giấy năm, bảy nghìn.

Có nói mỗi năm cúng sao, rằng dưới hạ-giới một người, thì trên giới một ông sao chiều mạnh, năm nào gặp phải ông sao ác, thì mỗi tháng một lần cúng đề được bình-an.

Hà-nội đến Bạch-mã, đến Hội-quản, ngày tết trong hàng-hội cúng tiền nhiều đèn treo, tết xong rồi, người các phò

đèn chanh nhau mua đèn, rằng: nhờ huệ Thánh thì năm ấy bình-an, phất-tài, đèn đáng hai, ba đồng thì mua đèn hai, ba mươi đồng, đèn đáng mười đồng thì mua đèn trăm đồng; mua xong, kèn trống rước về treo nhà, khai-hạ tôn trăm bạc nữa.

Bắc-kỳ có ba đèn, chùa, cúng bái rất đông: đèn Liễu-hạnh, huyện Vụ-bản, hội tháng ba; chùa Hương-tích, phủ Mỹ-đức, hội ba tháng xuân; đèn Trần-hưng-Đạo, sông Lục-đầu, hội tháng tám; ba sở ấy ngày hội, người đi đông như nước chảy. Người cầu phú quý, người cầu sinh đẻ, người cầu bắt tà.

Người đi đèn Lục-đầu đem gươm gỗ, chiều nằm nhiều lắm, để đòi lấy gươm thánh, chiều thánh đem về để nhà cho khước; người nọ mới cầm gươm, rai chiều, người kia đòi lấy ngay. Lại mỗi người cầu lấy một tí dật trước hương-án đem về nhà. Mỗi năm hội xong, dân sở tại phải quấy dật phụ thêm vài mươi gánh. Trong hai ba ngày, thuyền chạt sông, tiếng trống vang giới, các thầy đồng bắt tà, người thì rím xương sông, người thì treo lên cây.

Đèn Liễu-hạnh cũng vậy. Chùa Hương-tích thì không bắt tà, chỉ đi cầu tự, cầu tài thời, lễ bái ba, bốn chùa ngoài, rồi mới được vào chùa Hương. Hai bên có tượng trẻ con bằng đá, ai cầu tự muốn xin người nào, thì khăn vái rồi lấy tay sờ trên đầu hình đá ấy; cũng có người khi về đi qua dò, người lái dò lấy tiền dò bội nhị, ăn cơm hàng, nhà hàng dọn thêm bát dưa, lấy tiền cơm bội nhị. Là ý rằng: đi cầu tự về được con theo chân luôn. Người cầu tự xướng lòng, cũng giả tiền cho ngay. Ai về được đẻ con, phải đi lễ tạ, gọi con bằng cậu, cô, anh, chị, không dám gọi bằng thằng, bằng con; người con ấy khi lớn cũng phải.

cả đời đi lễ. Ai chưa đẻ được con, thì năm nào cũng đi, thành tâm kêu mãi; ai đến già cơ chừng không đẻ được nữa, thì mới thôi, không đi, bởi vậy chùa Hương đi hội đông nhất.

Nay xét có đình thờ dân làng mới hay hội họp, giữ gìn nhau, làm xong việc quan. Có chùa, thì người thường biết sợ tội, ít dám làm càn. Nước ta có đình, chùa, vẫn là phải, song thiết tưởng mỗi làng một đình, một chùa thì phiền lắm. Nay ví thể những đền, chùa, có công-đức, danh-tiếng ấy, thời để yên vậy làm kỉ niệm; còn mỗi huyện chung nhau làm một đình, một chùa công, cũng như là văn-chỉ hàng-huyện ấy. Rước bài-vị thờ làm một, mỗi năm cả huyện, mở hội cúng tế một lần, cũng như các quan tỉnh tế đến Hội-đồng bách-Thần ấy. Mà các đình, các chùa cũ để làm nhà học và làm nhà hội-ng nghị công, thế thì việc tế-tự được thành-kinh, mà lại tỵ-linh.

XI

Lệ làng

Nước ta, Triều-đình có đặt lệ ngạch cho dân cả, song chỉ chép ở sách Luật, sách Hội-điển, không ban phát sách cho dân, dân cứ theo tục cũ trăm nghìn năm, thì có lẽ nào phải được! Thịnh thoàng cũng có người biết lệ làng mình rằng dở, muốn đặt lại, song lại nghĩ rằng: lệ của tiên-tổ đặt nên, bỏ đi phải tội. Có người nghĩ rằng: lệ ấy trước ta làm rồi, nay ta chỉ đi ăn uống thôi, bỏ đi thì ta thiệt. Có người có thể lực, đặt lệ mới lại được, song lại e người oán, có dỗi lệ lại, vẫn theo dựa quanh quẩn, không dám quả-quyết, rằng: « Chợ có lệ, quê có thói; » rằng: « Phép vua thua lệ làng. »

Bắc-ký các làng, lệ tuy có khác nhau, song đại thể thời như nhau hết cả, chép qua sau này:

Làng có chánh-tổng, phó-tổng, lý-trưởng, phó-lý, những chức ấy Triều-đình đặt nên; lại có khán-thủ, có tuần-phiên, đỡ lý-trưởng tuần phòng; có phân-thu để thu thuế hộ lý-trưởng; có lãnh-trưởng để coi hộ trong hàng giáp, việc ngoài đình và sự đám ma.

Khi làng có tốn phí việc công, ai ứng tiền đỡ dân, thì đóng dân viết giấy bầu làm hương-mục, được dự tề đình và tha trừ tạp-dịch, cũng gọi là mua nhiều.

Có lão-nhiều, có lão-hạng. Lão-nhiều là người hương-mục đã đến tuổi lên lão, tức là kỳ-lão; lão-hạng là dân phu hèn nghèo mà lên lão-hạng. Có nhiều-học, là đồ khảo-khoa được trừ phu-dịch; có nơi đã cấm sách đi học làng cũng trừ cho; có khoa-mục, chức-sắc, có tiên-chỉ. Tiên-chỉ là người tổng lý, lâu ngày có làm công gì, thì ký tên đầu giấy; có hội tư-vấn, là các người hương-mục đóng tiền làm lễ cúng tề các ông tiên hiền trong làng.

Làng có việc công, việc tư, thì lý-trưởng đánh trống, đánh mõ, mời kỳ-dịch, các tổng lý cũ ra đình, ra điếm hội bàn, làm rượu uông. Lão-hạng và hương-mục, dân-phu, chẳng được nói bàn, uông rượu gì cả.

Việc phí tốn ít, lý-trưởng ứng chịu, sau tính bỏ giả; việc tốn nhiều, bỏ đóng ngay. Hội-nghị tiếng rằng nhiều người, song quyền ở một vài người trên. Bởi vậy thường hay thu bỏ hà lạm.

Bầu hương-mục, lý-trưởng, làng có đơn ký kết; hôm ký, nhà chủ làm rượu uông, gọi là rượu rập bút. Có làng mua hương-mục hết năm, ba mươi đồng; rượu rập bút cũng tốn gần như vậy.

Đi phu, hương-mục được tha, đi lính thì cắt lượt từng họ, nhà con một được tha. Người nào có tiền thuê đi lính hộ cũng được. Làng có ruộng công thì cho một hai mẫu, không có ruộng công thì thặng cho năm, sáu quan; lính mãn về, giả ruộng làng. Có làng lính mãn về nơi ăn, nơi ngồi cũng như hương-mục, có làng mãn về cũng như người phu. Lầy lính làm đê tiện, ai cũng khinh rẻ không quý, cả nước đều thế.

Lệ lên lão làm rượu, ra lễ đình rồi mời làng, có nơi tồn năm, bảy, mười đồng, một, vài, trăm đồng. Lệ ấy cũng có nơi không.

Lệ mua hậu. — Khi làng có việc công tiêu, ai có tiền đưa nộp năm, bảy mười đồng, hoặc một, hai trăm đồng, thì cả làng bầu làm hậu-dình, hoặc làm hậu-chùa. Hậu, nghĩa là sau, là khi nào dân cúng đình chùa, sau dân lại cúng người ấy nữa, cho nên gọi là hậu. Hậu, thường khắc tên vào bia đá dựng nhà sau đình, sau chùa.

Lệ bắt phạt đầu cũng có, tội nhỏ như là ở ngoài đình cãi nhau, đánh nhau, hoặc tề tự nhầm lỗi, hoặc nghe tiếng kêu to không lại cứu hộ, thì bắt phạt năm, bảy tiền, một quan. Tội lớn như là ăn trộm, chữa hoang, bắt phạt vài, ba mươi quan cùng đánh đòn.

Các làng lệ luật thường có quyền sổ khoán ước, sai lệ thì bắt phạt. Có làng bắt phạt bữa rượu, chậm thì cả làng cứ vào nhà mổ lợn mà ăn, nhược bằng không có lợn, thì làng cứ mua lợn rồi nhà ấy phải giả tiền.

Lệ đình, chùa. — Ngoài đình cắt một ông lão làm chức thủ-từ, sớm tối hương đèn; ngày sóc vọng kịp các ngày tết cúng oản chuối, xôi gà; tự hương-mục giở lên ra lễ lầy phần. Ai không ra thì nhà chứa phải chia, dầu miêng thịt

bằng ngón tay, miếng xoi bằng quả sung, cũng phải chia, nếu quên thì ra ý khinh nhau, sinh sự cãi nhau đi kiện. Cho nên tục ngữ có câu rằng: « Một miếng thịt làng bằng một sàng thịt chợ. »

Đình thờ nào cũng có bài-vị, long-ngai, mũ áo, đồ thờ y như vua. Mỗi năm kéo hội một hai lần cúng tế. Cũng có làng, ông thần ngày trước làm nghề gì, thì lúc mở hội lại làm hình tượng giống thế. Đại khái: ông thần trước đánh giặc, thì dân chia làm hai bên quan, giặc đánh nhau; ông thần trước làm vua, thì dân giả làm quan mặc áo đai triều qui châu; ông thần trước làm kẻ trộm, thì đào ngạch rước bài-vị chui vào. Mỗi năm làng cát lần lượt một người làm chủ tế; người làng và khách quen thuộc lại chơi mừng, cùng phải làm rượu thết đãi.

Ngày hội, mỗi ngày cỗ bàn tế hai lần: ít, năm bảy ngày, nhiều, thì một tháng. Mở hội làm nhiều trò chơi như là: phường chèo, nhà trò, leo giầy, múa dôi, tổ-tôm diêm, bàn cờ người, leo giầy đu. Thê là hội to nhất, làng nhỏ tồn vài trăm bạc, làng lớn tồn một, hai ngàn. Hơn bù kém bỏ rẻ mỗi làng một ngàn.

Nhiều làng có lệ cỗ thờ, mỗi năm lần lượt chia nhau làm, người làm phải nuôi con gà, hoặc con lợn trước một năm, hoặc năm, bảy tháng. Có nơi mỗi con gà tồn phí bảy, tám đồng, có nơi tồn vài chục đồng. Là tại người làng đến làm giúp hộ, phải thết đãi hóa tồn.

Tế xong rồi ăn cỗ hai bên đình, chia ngồi thứ tự từng bàn, gọi là lệ hương-âm, hoặc đem về từng giáp ngồi ăn. Cỗ chính-tiên thì người chủ-tế và người trợ-tế, người tiên-chỉ, người kỳ-lão chia nhau; còn người không dự-tế thì

chỉ được cỗ tùy. (Cỗ chính là cỗ cúng thần, cỗ tùy là cỗ cúng các quan bộ-hạ, và tổ-tiên các chi họ hai bên).

Hội chùa mỗi năm mở một lần, làng có ruộng công, giao nhà sư biện lễ, thiêu thời làng đóng tiền thêm, và đàn bà già cũng đóng tiền, gọi là các vãi.

Có nhiều nơi hai làng kết nghĩa giao hiều với nhau, mời lại trợ-tê, 助祭) ăn cỗ đến năm, ba mươi người, hoặc ngoài trăm người. Có làng rước cả long-đình thần đi, ra ý rằng thần cũng giao hiều.

Nay xét các làng trong một năm các ngày vào đám, các tết, các sóc vọng, đám ma, đám kỵ, đám cưới, bán nhiều, bầu hậu, lên lão, và khi hội-nghị, quanh năm không mấy ngày không họp ăn uống, chẳng những tốn tiền bạc, bỏ công việc, mà lại say rượu khích bác đánh nhau kiện cáo nữa. Nay những làng văn-vật cũng đã biết là tệ, đòi đi, còn những làng xa tỉnh vẫn y thói cũ, cũng có người bảo, mà người ta không học, không nghe ra làm sao. Ví thế quan trên nay lấy lệ cũ của Triều-đình sức bắt dân theo, thời chẳng bao lâu mà dân giàu thịnh. Hoặc có người bảo rằng: « Đòi tục khó lắm. » Không biết rằng cứ lệ vua ta đặt mà làm, nước ta chuyên chê, phép vua bắt gì mà chẳng phải theo, có đặt lệ mới đâu mà khó? Nay lệ Triều-đình như sau này:

1^o Các nhà tư-gia cúng giời, cúng sao, ngạo mạn quỷ-thần thời bắt phạt 80 trượng. Đàn bà phạm luật cứ làm tội chủ nhà.

2^o Làm chay, phá ngục, sư vãi, chuông trống, tức hành cầm chỉ. Đồng-cột, phù-thủy, bắt tội xử đảo; người tùy-tòng trăm trượng phạt lưu; lý-trưởng phạt 50 roi.

3° Các làng vào đám, hát xướng chỉ được một ngày, các nghề trò chơi tĩnh cầm.

4° Tề thân, thì làng lớn tề con trâu, làng nhỏ tề con bò. Tang, cưới-xin, thì quan tam phẩm được dùng tam sinh, tứ phẩm giở xuống nhị sinh, cửu phẩm giở xuống nhất sinh, ai trái phép bắt tội vi-lệnh.

5° Các công hội, tư hội, chỉ được dùng giầu cau, cầm rượu thịt, ai trái phép bắt tội vi-lệnh.

6° Đám ma trong làng hộ của giúp sức nhau; người dền hộ tang theo sách « Chu-văn-công Gia-lễ », ai nói đòi rượu thịt. phạt 80 trượng.

7° Người chết chỉ chôn một lần, có động phạm chỉ được cải táng một lần thôi, nhược bằng cải mai bắt tội.

XII

Khai-hạ

Thi đậu, làm quan, phong tặng, làm nhà, đẻ con giai, thượng thọ sáu, bảy, tám, chín mươi tuổi. Những sự vui mừng ấy đều làm tiệc khai hạ, trước lễ đình sau lễ gia-tiên, mời làng, mời khách, vài, ba ngày, hoặc năm, bảy ngày, tùy gia phong kiệm. Duy làm nhà, đẻ con, thượng thọ, không ăn mừng cũng được; thi đậu, làm quan, mà không ăn mừng, thời người ta chê cười. Cũng có nơi thi đậu, làm quan không ăn mừng, thời làng không kể là ông quan. Phong tặng là con làm quan tự tứ phẩm giở lên, thời vua phong cho cha mẹ cũng được quan chức. Nhược bằng cha mẹ đã mất rồi, thời sao viết sắc vua phong vào tờ giấy vàng

mà làm lễ cúng đốt xuống âm-phủ cho cha mẹ biết, gọi là lễ phân-hoàng (焚黃).

XIII

Cưới-xin.

Tục ta kết hôn tùy ý hai bên cha mẹ. Có nhà đính ước tự khi mới đẻ, hoặc tự khi còn ở trong thai, thường có người đến lúc cưới về mới biết mặt nhau. Giai gái mười sáu tuổi là thường, cũng có nhà cưới sớm tự năm chín, mười tuổi, ai hai mươi tuổi chưa cưới đã lấy làm lạ.

Kết hôn trước nhờ người môi nói, ưng gả rồi nhà giai đem cau chè đèn giạm, bên nhà gái có hũy-nhật phải đưa đồ lễ lại mới trọng sự thể ; tết nguyên-đán, tết đoan-ngọ, tết tháng mười, nhà giai đưa đồ lễ tết, như thê vài, ba năm rồi mới ăn hỏi, nửa năm nữa mới cưới; ai chưa sêu tết, ăn hỏi, mà cưới chóng thời người ta chê cười.

Trước khi cưới, nhà giai viết thư hỏi nhà gái lấy những thức gì, nhà gái muốn lấy những thức gì thời viết thư lại. Nhà giai thuận thời xin định ngày cưới, thách nhiều quá thời nhà giai xin bớt ít nhiều. Có đám, viết thư đi thư lại ba, bốn lần mới xong, có đám không xong lại thời, có đám tức khi cưới cho được, rồi hai bên oán ghét nhau.

Đồ thách cưới đại khái như là vòng hột, hoa nhĩn, quần áo, chăn màn, rượu chè, giầu cau, lợn gạo, và bánh chưng, bánh giầy, để chia người quen thuộc, hoặc thêm bạc năm, bảy mươi đồng, hoặc vài, ba, bốn, năm trăm đồng để ăn uống. Vài năm nay Hà-nội lại thách thêm mười lăm cái xe xong-mã nữa! Đám nào đi cưới có hai quả phù-trang, hai ché rượu, vài bốn cái quả đồ là đám cưới to: cho lại con rể bạc, là đám cưới lịch sự.

Trước hôm cưới, bên nhà gái nộp tiền cheo cho làng, gọi chữ ràng lan-giai, (攔街). Nơi lệ hai, ba quan, nơi lệ năm, sáu quan, rề người ngoài thời làng lấy vô hạn: năm, bảy đồng bạc, hoặc vài mươi đồng.

Ngày cưới đi qua đường, người ta thường lấy sợi chỉ đỏ, hoặc vải, lụa đỏ, chằng giữa đường; tiền, mỗi chỗ cho năm, bảy xu, một, vài hào, chỗ nào bày bàn độc đốt pháo, phải cho vài ba, đồng bạc, nhược bằng không cho tiền, thời người ta cắt đứt giây, độc chết!

Đền cửa nhà gái, họ hàng nhà gái cũng đóng cửa đòi tiền, rồi mới mở cửa cho vào. Vào lạy nhà thờ, rồi lạy ông nhạc bà nhạc, hoặc bảo lạy dâu thời lạy đó, rồi uông rượu.

Có đám đòi thách thiêu, nhà gái không thắp hương, không cho lễ vôi, hai bên đòi đáp nhau mãi mới xong.

Khi đưa đón dâu về, có đám cái hai ông già cầm hai bó hương, hoặc hai cái lư hương đi trước, nhà gái cắt người đón cửa bùng tráp giầu mới. Cũng có đám đặt hỏa lò giữa cửa cho cô dâu bước qua, nghĩa là dâu đi đường ăn mặc tốt đẹp, e người ta của-quang độc, cho nên đốt miệng thiên-hạ đi cho khỏi độc. Cũng có đám, mẹ chồng cầm bình vôi đi tròn một lúc; có đám dâu mới đèn cửa, một người lấy chầy cời đám một lúc, hai tục ấy chưa hiểu ra ý làm sao.

Dâu vào lạy nhà thờ và cha mẹ chồng, hoặc bảo lạy dâu thời lạy đó, rồi dâu rề cùng cúng ông Tơ-hồng. Là tục nghe truyện cổ tích ông Nguyệt-lão định duyên vợ chồng, ai lấy ai, ông ấy đã lấy sợi tơ hồng buộc vào với nhau rồi, tiền định không nhầm. Vậy nên làm lễ tạ Ngài phù hộ giai lão bách niên.

Đền hôm thứ tư, hai vợ chồng biện đồ lễ về bên nhà vợ lạy bàn thờ, gọi là lễ lại mặt, gọi chữ ràng tứ-hỷ (四喜).

Ai mười sáu tuổi đẻ con, ngoài ba mươi tuổi có cháu, thời ai cũng khen rằng nhà có phúc.

Nay xét những các tục lệ ấy, mấy năm nay các nhà đại-gia đã đổi giản-tiện lại nhiều, chỉ còn nơi thị-tỉnh hầy còn có thôi, rồi thấy người cười tât biệt, dần dần biến đổi. Nhưng còn một tục đính-hôn (訂婚), tục tảo-hôn (早婚) cũng xin kíp đòi ngay mới phải. Đính-hôn cứ ở cha mẹ, vợ chồng không biết mặt nhau, rồi thường hay chê nhau, tính khí không hợp, không có tình yêu rồi ghét nhau, cãi nhau, cửa nhà lục đục, con sinh trong cái thai phiền não ấy, ở trong cái nhà loạn xạ ấy, hỗn vĩa tiêm nhiễm những sự dức lác dề tiện, đến khi lớn nhẽ nào mà được ra người?

Tảo-hôn quá, ít tuổi còn dại, tưởng dâm là sự lệ thường không biết tiết dục, yêu người tổn thọ, mà khí huyết chưa đủ, nhẽ nào sinh được con khỏe? Con yếu sinh cháu yếu, mỗi ngày mỗi rút tuổi lại, di hại vô cùng. Và lại việc đời chưa trải, chưa đáng làm bậc phụ mẫu, nhẽ nào sinh được con khôn? Không biết sinh lý đủ tiêu, để vợ con nheo nhóc, bệu dềch, bần bĩ lúng túng, cả đời chẳng làm được việc gì.

Thê thời nay nên: 1^o Tùy ý hai người, mà cha mẹ phải lấy con mắt tinh, cái bụng khôn, định hộ nũa, chớ nài ép, tham sang, tham của, và cầu-thả mặc nhờ số phận, mà hãm con vào địa-ngục vô cùng. 2^o Chọn kén con nhà không ác tật (như là bệnh phong, bệnh lao, bệnh nổi hạch, vân vân) để khỏi truyền nhiễm cả họ sau. 3^o Định hạn tuổi trước, sách ta dạy: « Giai ba mươi tuổi, gái hai mươi tuổi. » Các nước Tây cũng vậy. Song ta theo tục sớm quen rồi, không chịu được, thời sớm nũa cũng phải giai hai mươi một, gái

mười tám tuổi là vừa. Lại chồng hơn vợ mấy tuổi cũng được, vợ hơn chồng năm tuổi thời không tốt.

XIV

Tang-ma.

Người khi gần chết, họ hàng cần xem giờ tốt hay là xấu, song chẳng cứ tốt xấu, cũng mời phù-thủy vẽ bùa dán áo quan, dán khắp nhà, và người nhà mỗi người một cái. Ai chết phải giờ xấu lắm, thời dán bùa vào thầy, có nơi lấy máu chó đen tưới vào trong quan. Nhà Nho thời ít nhà theo phép vẽ bùa.

Mới chết, trong nhà trước nhất phải lo liệu cơm nước đãi người làm giúp. Khâm liệm rồi, để ngày thứ ba nhập quan, khi nhập quan xem con cháu tuổi nào hợp tuổi vong-nhân, phải tránh không được gần. Ngày thứ tư làm lễ tề thành-phục để tang. Có nhà trên quan tài cúng một bát cơm, một cái trứng, một đôi dưa tre bông.

Nhập quan rồi mỗi ngày cúng cơm hai bữa, có nhà làm lễ tề, bát âm kèn trống, khách vào thăm phúng mời uống rượu. Có nhà mỗi tối bát âm thổi kèn thi nhau, làng ngồi uống rượu, con cháu họ hàng thương tiễn, gọi là kèn-thờ kèn-giải.

Nhà nghèo ba ngày chôn, nhà giàu một tháng, có nhà hai ba tháng, khi táng mời thầy địa-lý, phù-thủy tìm đất tốt.

Nhà tằm thường mời làng tề, nhà giàu mời hàng phủ, hàng huyện tề, uống rượu, xong lại đãi phần bánh chưng, bánh giầy.

Có nhà chạm trung-đồ, chạm đề-chủ, chạm nhà-mổ ; đề-chủ là táng nửa chừng viết tên vong-nhân vào bài-vị để thờ,

đề-chủ phải mời người khoa-mục, hoặc ông quan, mặc áo mũ đại triều.

Táng xong về tề-ngu ba lần, cách một ngày tề một lần, năm mươi ngày, một trăm ngày đều tề lễ, mời khách, hoặc mời nhà sư, hoặc lên chùa làm chay, phá ngục cho vong-nhân khỏi tội âm-phủ. Ai bài thiết lịch sự, thết đãi tươm tất, được tiếng khen báo hiếu.

Có nhiều làng đặt lệ, cỗ phải mấy bát, ăn phải mấy ngày, lại bùng cỗ biếu tận nhà, gọi là tục giả nợ-miệng. Ai không giả nợ-miệng được, mắc tiếng chê cười. Hoặc chờ năm, bảy năm, mười, lăm năm giả nợ-miệng cũng được. Khi giả nợ-miệng, lại thiết bàn thờ, mặc áo tang chề, mời làng uống rượu.

Giả nợ-miệng xong, ra việc làng mới dám ăn, dám nói. Bởi vậy các làng thường hay chơi họ-hiệu đồ tiền nhau. Có một người chết, cả làng cũng phải đóng tiền, ngộ phải năm chết dịch, nhiều làng khôn khổ. Bởi tiền ấy rất sòng không ai dám bỏ lười!

Cũng có làng lệ nợ-miệng phải giả ngay, chưa giả được ngay thì khi đưa tang, làng tổng kèn trống, hiệu-chủ không được chông gậy. Có nơi chưa giả nợ-miệng xong thì làng bắt người hiệu-chủ phải để tang cả đời. Có nơi không làm được đủ lệ, thì hiệu-chủ chỉ cúng thôi, không được phép tề.

Ai giả được nợ-miệng, thì cả làng có lẽ công lại phúng: ai không làm được đủ lệ, thì chỉ trong hàng giáp đi chôn thôi, song cũng phải đãi rượu trong hàng giáp thì mới khỏi nợ.

Nhiều làng đặt lệ có ba hạng, phân hơn kém. Bởi vậy

nhiều người cô gắng theo hạng nhất; người chết, của hết vẫn thỏa sướng lòng.

Khi khách uống rượu, hiệu-chủ áo mũ chông gậy ra mời. Có nơi táng xong, ba ngày, hiệu-chủ mũ gậy đi khắp các nhà cúng viếng, lạy tạ. Ở các thành phố thì họ-hiệu mặc áo trắng đi đưa.

Nay xét các sách tang-lễ, không thấy sách nào dạy sự ăn uống. Sách “Chu-văn-Công” rằng: « Khách vào cúng, người hiệu-chủ đáp lễ xong rồi giờ vào; người hộ tang tiễn khách ra, hoặc mời uống chén nước, người khách ra ngay. Nhược bằng khách xa, thì hiệu-chủ nhờ người họ xa mời khách về nhà làm cơm thường đãi, không phải mời rượu. » Nói đi nói lại hai ba chỗ, lấy sự xôi thịt làm răn. Không biết nước ta tự đâu, đầu tên sinh lệ nợ-miệng, để người sau bắt chước mỗi ngày mỗi tệ hơn. Có người lấy làm hết nhiều tiền, nhiều lợn làm hảo-hóa, làm báo hiệu; có người trong đồ khâm liệm đáng một, hai đồng bạc, mà xôi thịt tốn phí có ba, bốn trăm đồng. Thiệt chí ngu mà lại bắt hiệu!

Sách “Vạn-quốc Sử-ký” có chép rằng : « Phía nam có ba nước mán nhỏ : 1^o Tiêm-la, 2^o Diên-diện, 3^o Annam. Ba nước cùng nghèo, mà Annam nghèo hơn; ba nước lễ-nghĩa phong-tục gần giống nhau, duy có sự tang ma thì thiệt rất lạ. Tiêm-la, người chết, vớt thây lên rừng cho chim ăn; Diên-diện, người chết đốt lửa thiêu hóa, nhà sang trọng mới biết dùng áo-quan; Annam, người chết mở tiệc ăn uống như việc vui mừng, xa xỉ nhất thiên-hạ. »

Than ôi! việc tang-ma làm cỡ to, bụng mình ngờ rằng: trước báo hiệu tiên-nhân, sau kính tạ tân-khách, mà người ta cho mình làm tệ bạc! Bởi vì mình theo tục quen mắt, mình không biết rằng tệ, rằng ngu. Ôi! một sự thương bại

phong hóa ấy, dù người ta khinh rồi, không đợi sự khác nữa. Song Tiêm-la, Diên-diện nay người ta đã đổi tục rồi, mà nước ta vẫn còn giữ mãi. Tôi xem sách đèn đó, bỏ sách ngán ngán, then tuột mồ hôi.

Mấy năm nay các làng văn-vật, những lệ cổ-bàn đã bỏ hết, lấy vải, ba mươi đồng bạc để làng làm tiền công-dân, cũng là chiều lòng người ngu đó thôi, rồi sau cũng bỏ.

Tôi nghe có người bàn rằng: «Tang-ma, rồi chỉ nên bền đẹp đồ khâm với áo-quan; khi tòng táng, chỉ một bộ đại-dur, một cái nhà-táng che kín áo-quan, với bốn cái phù-phát, để lúc hạ-huyệt cắm bên quan, biệt chừng phong-phấn, và cái trống, cái sênh, cái lệnh, làm hiệu-lệnh; làm cái nhà-mổ để phòng mưa nắng. Nhược bằng nhà quan, thời thêm đồ nghi-vệ đi đường. Còn như án-thực, minh-khi, linh-xa, minh-tinh, nhà trung-đỗ, nhà đề-chủ, bỏ hết. Khi về, làm cơm rượu đãi những người đô-tùy hàng giáp và khách xa đi đưa tang ấy. Táng rồi, tề ngu một lần thôi; chiêu-tịch-diện cũng tỉnh, ngày bách-nhật, kị-đầu, kị-cuối, cứ cúng như thường. Đồ tang chề dùng vải trắng, còn mũ, gậy, rơm, chuối, những đồ cụ-văn ấy, cũng tỉnh. Nhược bằng đồ thăm-phúng, nên dùng hương hoa, có câu-đôi, bài-văn viết vải trắng, viết vóc nhiều làm phí quá; thân thiết nữa thời đỡ cho tiền bạc càng hay.» Nhời nói ấy không biết đã phải chưa? Nay chép để đợi người tri-lẽ sửa sang thêm bớt.

XV

Cúng kị

Chiều hôm trước cúng tiên-thường, ngày hôm chết cúng chính-kị; người thân-thuộc đem đồ vàng bạc giấy,

hoặc rượu chè đèn lễ, rồi uống rượu. Có nơi viết thư mời khách, khách bận không lại được, thì chủ không bằng lòng, người khách bụng cũng áy náy, không yên; có nơi đem cỗ đi biếu, có nơi thiết bàn thuốc-phiện, bàn đánh bài-lá, ăn cỗ hai, ba ngày cũng như tiệc khai-hạ.

Nay xét ngày kỵ-nhật, các sách lễ không có sách nào nói cúng tiên-thường. Ngày kỵ-nhật sách gọi là ngày *Chung-thân chi tang* (終身之喪), ngày ấy chỉ nên đóng cửa thương nhớ, và anh em ở xa lại, trước là cúng lễ, sau là họp mặt, mời khách không hiểu là ý làm sao?

Này! giầu có, muốn khoe khoang, thì mỗi năm ăn mừng sinh-nhật, hoặc mở tiệc chơi xuân, cũng đủ hào-hoa, sao nỡ mượn ngày nhà hỷ-kỵ mà bày ra ăn uống? Quen thuộc muốn tử tế, kiêng đồ cung-tiên tử-đường, hoặc chơi bởi tặng-hào cũng là tình hậu, việc gì đương khi người ta buồn bã mà quây nhiễu rượu chè?

XVI

Cải táng

Xứ Bắc-kỳ, người chết đoạn tang rồi, ba, bốn năm, con cháu, anh em, lo liệu sự cải táng, mời thầy địa-lý tìm đất tốt, để kết phát giầu sang. Hoặc người chẳng cầu kết phát, cũng cải táng để mát mẻ, sạch sẽ vong-nhân.

Cải táng cách thức. — Đào mả lên, nhặt lấy xương xếp vào cái tiểu sành; còn da, tóc, tạng, phủ bỏ hết. Áo-quan cũ, còn tốt thì cho người để dành, xấu thì đem về làm chuồng trâu, chuồng ngựa đứng khỏi xâu chân.

Nay xét các sách tang-lễ, không thấy sách nào nói sự cải táng. Duy sách « Chu-văn-công » có dạy rằng: Phàm mỗ

mà gặp phải kiên, môi, nước lụt, hoặc tỉnh thành động chạm, bắt-đắc-dĩ mới phải cải táng. Song, đại-quan khâm-liệm y như hung-táng, không có đổi sang cái tiểu sành, bọc vài lần vải, lựa bao giờ.

Than ôi ! xương, thịt, da, tóc đều là thân-thể tiên-nhân, nay chỉ cốt lấy xương, không biết tội oan báo gì mà chết chôn không yên, còn phải khai quật, phân thi, thăm hình như vậy ? Ác không biết ác, bởi tại vì ngu ! Ý giáng ngày xưa người Tầu đô-hộ Bắc-kỳ, khi về đem hài-cốt về, đổi sang cái tiểu nhỏ, ta nhân bắt chước. Trong Quảng-bình giờ vào ít tục ấy, vì người xứ ấy mừng thay, cũng là người Tầu ngày đô-hộ không ở Quảng-bình cho nên trong ấy ít cái khôn nạn ấy ! Song, nay cũng đã bắt chước ngoài Bắc rồi.

Tục ta người chết trọng linh-hồn, trọng cả thần-sắc và có từ-đường cúng-bái, tổ-tiên với con cháu, tinh-thần khí-huyết liên thuộc nhau, cho nên hài-cốt tổ-tiên quan hệ đến con cháu. Được chỗ đất tốt khỏi kiên, khỏi môi, khỏi nước, tổ-tiên yên thì con cháu được yên, không yên thì con cháu cũng không được yên ổn. Sự địa-lý ta chưa bỏ được. Song, nay sách địa-lý đặt những *man-kinh* (蠻經), sách « Chính-tôn » mấy người xem nổi ? Và lại sự ấy toàn nhờ về phúc đức, lấy sức người cầu được còn có nhẽ nào ?

XVII

Ngày tết.

Nước ta nhiều tết lắm, kể như sau này :

1^o Tết nguyên-đán (元旦), 2^o tết hàn-thực (寒食), 3^o tết thanh-minh (清明), 4^o tết đoan-ngọ (端午), 5^o tết

trung-nguyên (中元), 6^o tết trung-thu (中秋), 7^o tết trùng-cửu (重九), 8^o tết trùng-thập (重十), 9^o tết táo-quân (灶君), 10^o tết trừ-tịch (除夕). Cộng phàm mười tết.

1^o Nguyên-đán. — Mong một đầu năm là tết nguyên-đán. Các nhà sắm sửa bàn thờ cúng-bái. Nhà Nho giữ lễ, cúng một buổi sáng, còn các nhà cúng ba ngày, hoặc bảy ngày.

Có nhà hai bên cạnh bàn thờ dựng hai cây mía để làm gậy cho ông-vãi chồng. Có nhà dựng cây tre, nêu nhà, cho quỷ ma khỏi nhận, đèn mong bảy hạ cây nêu. Có nhà ngoài cửa rắc vôi bột làm cung nỏ để con ma chim sợ không dám vào. Có nhà nửa đêm ba mươi làm lễ tế giao-thừa. Là lấy làm mỗi năm có một ông quan thiên-đình coi việc nhân-gian, cúng tiền quan cũ và đón quan mới.

Tết ấy là tết lớn; quen thuộc nhau, trong ba ngày lại chúc tụng mừng tuổi nhau, và lấy bàn thờ nhau. Lại đem đồ lễ cho nhau tự hôm trong tết.

Tết ấy, đốt pháo và dán câu-đôi đỏ mua của người Tàu, sứ Bắc-kỳ mỗi năm có đèn mười mấy vạn bạc!

2^o Hàn-thực. — Mong ba tháng ba tết hàn-thực. Sự cớ tích bên Tàu: Nước Tấn (晉), có ông Dối-tử-Thôi (介子推), oán giận vua quên ơn, mới đi ẩn trong núi, không chịu ra làm quan. Vua Văn-công (文公) đốt núi để ông ấy ra, song ông ấy không ra chịu chết cháy. Người xứ ấy thương ông ấy, cứ mỗi năm ngày hôm ấy ăn đồ nguội, không nấu nường đốt lửa, gọi là hàn-thực. Ta chẳng biết thế nào, ngày hôm ấy cũng cúng tổ-tiên, lại nấu nường lửa nhiều hơn các ngày khác.

3^o Thanh-minh. — Trong quăng gần ngày ấy, trong lịch có tiết thanh-minh. Thanh-minh, nghĩa là tháng xuân khí

giời sáng đẹp mát mẻ, người Tầu lấy ngày ấy đi tảo-mộ (掃墓).

4^o Đoan-ngọ. — Mồng năm tháng năm, tết đoan-ngọ. Bên Tầu, nước Sở (楚), ông Khuất-nguyên (屈原), can vua không được, bực mình ngày hôm ấy đi xuống sông tự vẫn. Xứ ấy thương ông ấy, mỗi năm làm hội cúng tế chèo thuyền theo vớt. Lại hôm ấy bên Tầu người thường lên núi hái lá cây đem về làm thuốc. Ta cũng bắt chước hôm ấy bẻ lá gì cũng hái uồng.

Có nhiều người hái lá nhuộm đỏ móng tay, móng chân. Lại rằng ngày ấy ăn uồng thức gì cũng sát trùng không độc; người lớn, trẻ con sáng ngày thức giầy uồng rượu hồng-hoàng, ăn rượu-nếp, dưa-hầu, đào, mận, các thức hoa quả yếm-tâm, sau mới ăn cơm. Trẻ con đeo chỉ bùa ngũ sắc. Hà-nội có nhà buôn chỉ bùa đến ngàn bạc!

5^o Trung-nguyên. — Rằm tháng bảy tết trung-nguyên. Nhiều nhà làm lễ cúng từ-đường, đốt nhiều đồ mã, nhà nghèo tồn năm, bảy hào, một đồng; nhà có, tồn mười lăm đồng. Cũng có nhà có tang ma mới, tồn năm, bảy mười đồng, một trăm đồng, làm đồ mã y như đồ thật, sắm đủ đồ ăn, thức đựng, mèo, chó, lợn, gà, cùng người đầy tớ. Tại vì xem trong sách Phật rằng: « Hôm ấy là ngày vong-nhân xá-tội, người phạm địa-ngục được tạm tha về một ngày. » Vậy nên ta đốt đồ mã hôm ấy nhiều hơn các ngày tết, ngày kỵ.

Nay xét đồ mã, tự đời nhà Thương (商), quan thái-sử sinh ra, cúng tế đốt bằng lụa thực. Đến đời Đường (唐), người Vương-Giữ (王與), lấy làm phí quá, mới chê tầm lụa giầy đốt. Người cổ-nhân cũng biết rằng vô dụng, song

ý nghĩ rằng: « Thờ khi chết cũng như khi sống, đã làm rượu cúng quỷ-thần, thời lại kiếm một thí lễ vật tiến quỷ-thần. Quỷ-thần vô hình không lấy mất đi được, vậy nên đốt đi như là quỷ-thần có lấy; chút ngu lòng thành kính gọi là. » Ta nghĩ rằng dùng được thật, làm phí tổn quá, mỗi năm nước ta vứt đi mấy mươi vạn bạc. Ta, rồi ra đến khi văn-minh nghĩ lại xem mà buồn cười, tiếc tiền!

6° Trung-thu. — Ngày rằm tháng tám là tết trung-thu. Ngày này là ngày sinh-nhật vua Đường Minh-hoàng (唐明皇). Nước Tàu làm đèn, bày cỗ chơi giăng. Lại ngoa truyền rằng: « Đời Tống (宋) có con cá gáy thành tinh đi bắt người, ông Bao-Công (包公) sức các nhà làm đèn con cá giống nó, nó không dám đèn nữa. » Tục chơi đèn cá sinh ra từ đó, mà ta nhân thế sinh ra làm đèn khác nhiều. Tết này tôn đồ giấy cũng gần bằng tết trung-nguyên.

7° Trùng-cửu. — Mồng chín tháng chín tết trùng-cửu. Ngày xưa nước Tàu có người nhớ anh em, hôm này lên đứng cao trông mong, uống rượu thù-du. Ta, tết này không theo, song những người văn-nhân thường hào-hứng uống rượu cỏ xương-bồ.

8° Trùng-thập. — Mồng mười tháng mười tết trùng-thập. Tết này chỉ các nhà đồng-cột và nhà thầy-thuộc có thời.

9° Táo-quân. — Hôm hai mươi ba tháng chạp, tết táo-quân, tiếng nôm rằng vua-bếp. Tại vì thầy sách Lão-tử (老子) nói rằng: « Ngày hai mươi bốn tháng chạp thì táo-quân lên giới tâu nhân-gian người thiện, người ác. » Cho nên ta, trước một ngày làm lễ cúng tiến-hành; thế tục hay cúng có con cá chép để làm ngựa cho vua-bếp cưỡi và ba bộ mũ cho vua bếp đội, hai mũ vua ông, một mũ vua

bà. Tại vì thầy sách Lão-tử rằng : « Ngày xưa có hai vợ chồng nghèo phải bỏ nhau. Người vợ sau lấy được một người chồng giàu có. Một hôm cúng, đốt mã ngoài sân, có một người vào ăn xin, người đàn-bà trông thấy là chồng cũ mình, thương cho cơm gạo tiền bạc. Người chồng sau biết tình, người đàn-bà ấy xâu-hồ, đâm đầu vào đồng lửa. Người ăn xin rằng : — « Vì ta mà chết, ta không nên sống « nữa » cũng đâm đầu vào lửa. Người chồng sau thương vợ cũng nhảy vào, chết cháy cả ba. Giới thương lòng, phong ba người cùng làm vua-bêp. »

10° Trừ-tịch. — Ba mươi tháng chạp, tết trừ-tịch, là tết cuối năm, cùng với tết nguyên-đán đều là tết lớn cả. Song người không học, không biết là ngày tết, chiều hôm ấy mới cúng bàn thờ cho làm cúng tiên-thường hôm nguyên-đán.

Nay tóm xét lại, nguyên-đán là tết đầu năm. Ta vật vả quanh năm, nghỉ chơi vui ba, bốn ngày là phải; còn các tết khác, của người Tàu làm, can cơ gì đến mình mà cũng cúng bái ?

Nhiều người vì năng cúng mà thật nghiệp, vì đốt mã mà cháy nhà, vì tết đoan-ngọ ăn cần, mà sinh bệnh.

Bên Tây nước nào cũng có làm tết vui mừng, song hoặc nhớ ngày dựng nước mới mà làm tết, hoặc nhớ ngày sinh-nhật ông giáo-tổ mà làm tết, mỗi năm làm tết ghi nhớ sự tốt, để mà phân-chân tinh-thần. Nay mình chẳng có tết nào mừng sự mình, chỉ vì tết người mà vui mừng hão ! Nào là tết nước Sở, nào là tết nước Tần, nào là tết nước Ấn-độ, nào là đốt pháo, đốt mã, thắp đèn giấy, đeo chỉ bùa, chỉ thêm mãi cái tồn đại ra thôi, nghĩ đến tết các nước người ta mà thẹn !

XVIII

Thuộc thang

Nước ta ngày xưa bệnh tật tùy uông các thứ lá; thuốc cũng hay lắm, còn truyền lại bây giờ nhiều thuốc khởi ngay tức-khắc, như là thuốc chó đại căn, thuốc rắn căn, thuốc chữa hóc, thuốc bó xương, còn nhiều thứ hay nữa. Chỉ tiếc rằng bản bụng muốn kiếm lợi riêng, bảo rằng thuốc có nhời thể, không dám bảo cho ai biết, bởi vậy bài thuốc hay thất-lạc đi nhiều.

Thuộc bác uông cũng hay lắm. Năm trăm năm nay, đời Hồ Hán-xương (胡漢蒼) dựng tòa Y-viện, triều-dinh có quan thầy-thuộc từ đó trước, song chỉ riêng chữa một nhà vua thôi, không sai đi chữa các dân. Đám quân-thứ và các tỉnh cũng có đặt điều-hộ (調護) để chữa binh-lính, song ai xin làm cũng cho, không có kén-chọn. Điều-hộ hễ có nhầm lỗi phải đánh đòn luôn. Thực sự buồn cười, không nước nào có!

Nước ta cho thầy-thuộc là nghề hèn, không đặt phép thi, không cho chức lớn. Vậy nên những người thông-minh không ai chịu học. Những người tâm-thường mới xem sách Tẩu tập làm thôi, thường rằng lục-vị (六味), qui-ti (歸脾), như cơm tẻ; hoài-sơn (懷山), phục-linh (茯苓), chẳng chết ai. Không biết rằng các vị thuốc đã làm sông được người, thời cũng làm chết được người, chẳng có vị nào lành, vị nào độc cả; rằng như cơm tẻ, rằng chẳng chết ai, câu ấy hại bao nhiêu người mà kể!

Lại những nhà cho con đi học thuốc, thường nói rằng: «Thằng bé này tôi dạ lắm, không học nho được, nay cho đi học thuốc để ngày sau có nghề.»

Lại nhiều người mua sách thuốc để trữ trong nhà, ngộ ai đau yếu mở sách xem chữa: rằng cầm gậy giữ nhà. Không biết rằng cầm dao giết người! Xem các nhời nói trên ấy thời ta cho sự thuốc thang làm dễ lắm.

Còn những người uông thuốc lạ lắm! Nghĩ thuốc bác là hay cả, không khỏi thời chớ, không có hại gì; thường lấy một lúc hai, ba thang thuốc, uông một thang tăng bệnh, rằng tại cái bệnh nó thê đó, lại cô uông hết. Có người hơi yếu, mời thầy-thuốc ngay, có người không bệnh cũng uông thuốc bỏ. Xem ra thời không bệnh mà làm ra bệnh, bệnh nhỏ mà làm ra bệnh lớn rất nhiều, mà không ai nghĩ ra. Cũng có người biết rằng thầy-thuốc ấy không hay, nhưng lại rằng chẳng nhẽ bó tay chịu chết, cũng uông liều nhờ về sô phận.

Than ôi! làm thuốc rất quý, mà rất khó, quan-hệ mạng người, quan-hệ vận nước. Ông Phạm-trọng-Yêm (范仲淹) khi chưa làm tể-tướng, chỉ ước ao được làm chức tể-tướng, hay là làm được thầy-thuốc hay thôi, hai bậc ấy mới cứu được thiên-hạ. Thở thời danh-giá thầy-thuốc quý biết chừng nào! Ông Lý-lạp-Ông, ông Viên-tử-Tài, có tài thông-minh, mà lấy sự uông thuốc làm sợ. Lý nói rằng: « Có bệnh mà nghe thầy-thuốc, thời thực là sự nguy-hiểm ở trong cái nguy-hiểm. » Viên nói rằng: « Sách thuốc có dạy rằng: « Ôm không uông thuốc tức là gặp được thầy hay bậc « trung. (病不服藥爲得中醫). » Nhưng ta thời cho rằng chẳng những hay bậc trung đâu, chính là bậc hay nhất nhất đó. (余則以爲無上上國手也). » Ông Tăng-quốc-Phiên (曾國藩) là tiên-sĩ tể-tướng bên Tàu, mà nói rằng: « Thầy-thuốc hay thời chữa mười bệnh làm chết ba, thầy-thuốc dở thời chữa mười bệnh làm chết bảy. Nhưng mát

ta chưa được thầy thầy-thuộc hay bao giờ, cho nên ta cả đời ôm không uông thuốc. » Con ông ấy, là Tăng-kỉ-Trạch (曾紀澤), năm nhỏ phải bệnh lao cũng không cho uông thuốc. Sau ông Quốc-phiên sống bảy mươi tuổi, mà Kỉ-trạch cũng khởi, làm quan đến thị-lang. Xem nhời nói ba ông ấy, thời nghề làm thầy-thuộc khó biết chừng nào ! Thê mà tục ta cho học thuốc làm sự dễ, làm nghề hèn, nghĩ lại rùng mình, ghê thối ! Mấy năm nay, Nhà-nước Bảo-hộ cho thuốc giống đậu, mỗi năm cứu được đến mấy vạn người !

Tóm xét lại, thuốc khéo dùng thời hay lắm, ta không bỏ được, xem như ngày xưa ông Lãn-ông (懶翁), (đời Lê Cảnh-hung, quê Hải-dương), ông Trạch-viên (澤園), (đời Minh-mạnh, quê Bắc-ninh), ông Đỗ-văn-Tuyền (杜文選) (đời Tự-đức, quê Hưng-an), các ông ấy chữa bệnh, ta được tai nghe tiếng, hoặc mát nom thấy thời biết, không phải nói nữa, song các ông ấy sở-dĩ hay thê, cũng không có tài riêng gì đâu. Nay tư-chất, thông-minh đã đành, mà lại có tính chí-từ, chí-hieu và sợ phải tội âm báo nữa, cho nên các ông ấy hay. Bởi vì thông-minh thời học được sách nhiều, từ, hieu thời yêu lo cha mẹ, con cháu phải cô học nghiên nghĩ, sợ tội thì phải cẩn-thận khỏi nhầm. Nay ta, ai được có những tính ấy thời cũng nên học thuốc, chẳng có thời không thiếu chi nghề, tội gì mà học cái nghề dễ hại người, thất-đức ấy ? Mà những người có bệnh, thời nên nhớ lấy những nhời ông Lạp-ông, ông Tử-tái, ông Quốc-phiên trên ấy. Bệnh thường, thời chớ uông thuốc, bệnh nặng bất-dắc-dĩ phải uông, thời phải cẩn-thận, nghe kĩ từng nước-thuộc, từng thang-thuộc, thầy hơi khác thời nói với thầy thay đổi, dầu có nhầm người ta xoay bài khác cũng dễ : chớ nay một thầy, mai lại một thầy, thuốc lạ

danh nhau đèn hai ! Song hễ khi nào thuốc bắc, thuốc tây hợp lại làm một, thời mới thực là hoàn toàn.

XIX

Nàng-hầu

Tục ta có thê, có thiếp, chàng cứ giàu, nghèo, sang, hèn, có sinh-đẻ, không sinh-đẻ, nhiều người lấy vợ-lẽ, nàng-hầu. Tục ấy người hiềm con thời cũng nên lắm.

Phương ngôn ta có câu rằng: « *Cả sông đông chợ, lắm vợ nhiều con.* » Lại có câu rằng: « *Lắm con nhiều nợ, lắm vợ nhiều cái oan-gia.* » Có câu rằng: « *Chiều chồng lấy con,* » rằng: « *Chớ ghen mà già,* » rằng: « *Thương chồng phải bồng con ghê.* » Xem ra nghĩa tương phản nhau cả, người trí khôn tất hẳn có quyền-hành tự-liệu.

XX

Cầm-kì, kiêng-khem

Nước ta tục cầm-kì, kiêng-khem nhiều lắm, chép qua gọi là như sau này:

Phàm làm sự gì cũng phải kén-chọn ngày tốt. dầu làm chuồng gà, chuồng chim cũng vậy.

Ngày mồng một tết phải cẩn-thận ăn, nói, việc làm, nhỡ sai nhảm phải giống cả năm.

Chết xem giờ tốt xấu, đi xem hướng lợi hại, gập gái giờ lại, quạ kêu đuôi xa, hoa-đèn, đom-đóm, máy-mát, hát-hơi,

khách kêu, (1) chuột rúc, chõ kêu, (2) dền sa, đều lấy làm ứng nghiệm.

Nhớ đánh đồ điều, đánh đồ dầu, đào đất đồ đi, đốt giấy vàng bạc tiền tống.

Con hùm, con voi, con rắn gọi bằng ông mà kiêng tên húy. Hùm gọi là ông-cụ, ông-tướng, ông ba-mươi. Voi gọi bằng ông-vàm, rắn gọi bằng ông-dài, ông lột.....

Ý dánh các đền trên rừng bỏ không, nhưng con vật ấy vào ở, cho rằng là bộ-hạ ông thần, và thấy các cửa đền có vẽ những vật ấy, nhân kính thần mà kính cả vật thần.

Con mèo kiêng, gọi bằng con măn, con may. Là lấy làm con mèo giống con hùm cho nên cũng kiêng.

Bình-vôi, đầu-rau gọi bằng ông; bình-vôi mẹ đem dề gốc cây, đầu-rau vớ đem rím xuống ao, hoặc chôn xuống đất, không dám vứt bỏ. Là lấy làm bình-vôi là chủ ăn giầu một nhà, đầu-rau là chủ nấu cơm một nhà, cho nên kính trọng.

Xem lịch, xem ban ngày, không dám xem đêm. Là lấy làm có việc gì vôi-vàng, hung-hiêm mới phải xem đêm; xem đêm e độc.

Đất đình, chùa, ở thừa không ai dám ở; đất ruộng đình, chùa, và đất người tuyết-tự, ít người dám mua. Là ý rằng e sợ quỷ-thần oán-trách.

Có nhà cho người thuê, thụ-thai đỏ, cho dề đỏ, thụ-thai chỗ khác, dền dề đỏ không cho. Thầy sao sa, miệng nhỏ phì-thui, thầy chớp nhoáng gọi gà bập-bập, mây ý ấy chưa hiểu nghĩa ra làm sao.

Những tục cấm-kị ấy cũng có người biết rằng vô-lý.

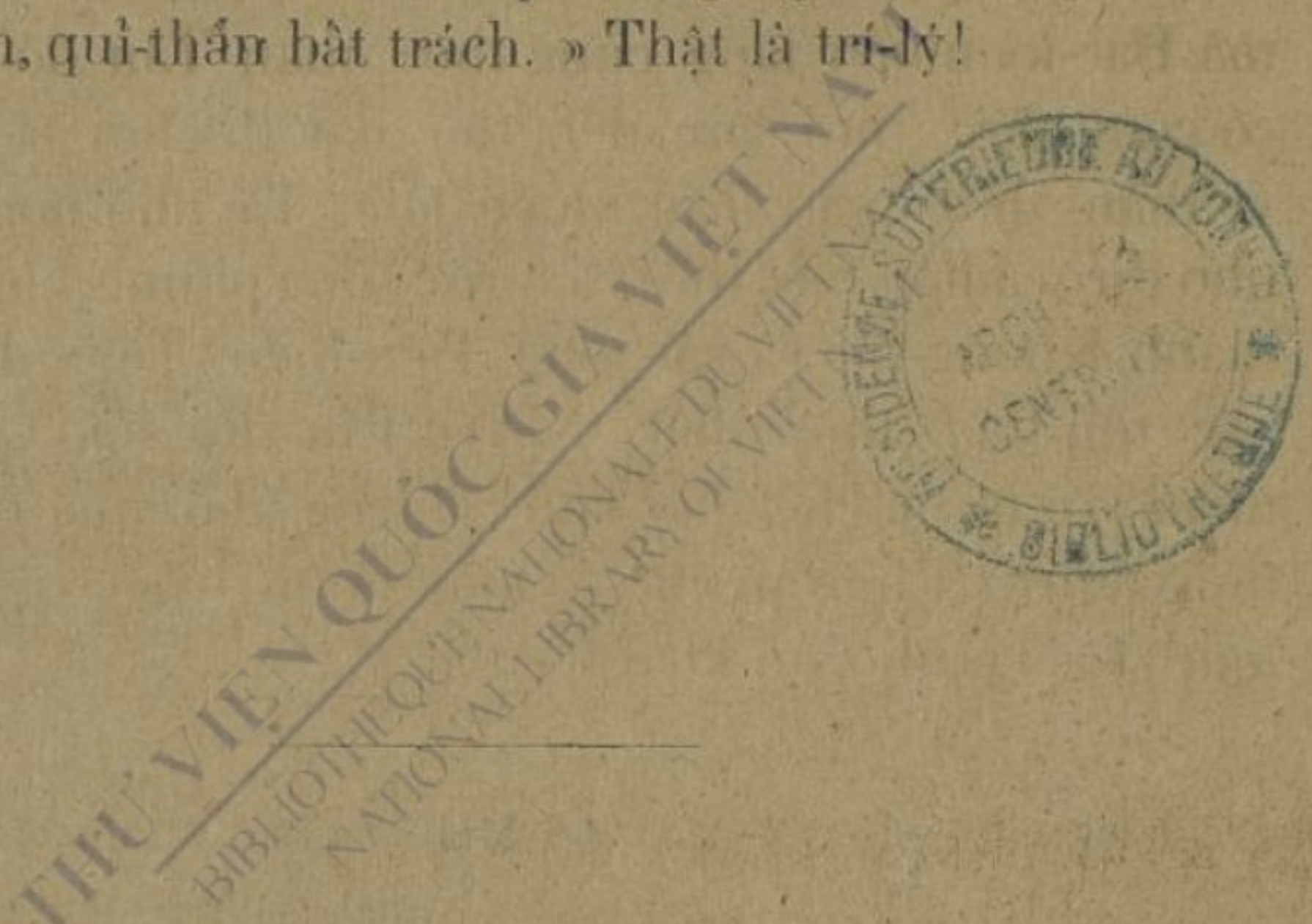
(1) Khách là chim khách.

(2) Chõ kêu là chõ đồ xôi, khi bắc trên bếp hơi có tiếng kêu.

không nghiêm, song lại rằng theo cũng không sao, hoặc sau có ngăn-trở sự gì chẳng, thì lại oán hời.

Tôi thường thấy có mấy người cả đời không kiêng gì, thường tìm những việc cảm-kị mà làm, mà vẫn thấy bình-yên không sao, mới biết sách «Tựu-nhật-Lục» nói, và câu phương-ngôn ta, làm thật.

Sách «Tựu-nhật-Lục» (就日錄) rằng : « Phàm người đạt-lý, quỷ-thần không làm nhằm được mình, cũng chẳng dám phạm vào mình. » Nhời phương-ngôn ta rằng : « Vô sự, vô sách, quỷ-thần bắt trách. » Thật là trí-lý!



PHỤ CHÉP TÍNH-CHẤT

XXI

Một rằng có tính nhớ ơn

Ta nhờ nước Tàu phong vương cho đã mấy ngàn năm nay, mà vẫn thủy trung tần-công. Ông Triệu-đà làm vua đóng đô ở Quảng-đông, chỉ sai hai quan sứ sang cai-trị, mà Bắc-kỳ nhiều làng cúng thờ; quan Tàu đô-hộ, ai hơi có công-đức, thời làm đền thờ, nay đi chơi các làng hỏi vị thần, thời quan Tàu nhiều lắm. Ta nhờ học sách chữ nho được khôn biết, thời cả nước sùng phụng, kính thờ đức thánh Khổng-tử, và các ông Tiên-hiến, Tiên-nho tôn làm bậc quỷ-thần thứ nhất. Nước Tàu đời nào cũng đánh nhau với ta, ta chết hại lắm, nhưng khỏi qua lúc ấy thời thôi, người Tàu vẫn cho ở đông buôn bán, coi nhau như một. Là tại nhớ ơn khai-hóa.

XXII

Hai rằng quen tính cần-khố

Người thành-phô tuy rằng cửa nhà tử tế, mà không mấy nhà có vốn to, vật vả ngược xuôi, mà vẫn ra dáng phong-lưu; người nhà-quê trừ ngoại việc làm ruộng, không có mấy nghề, quanh năm ngoài đồng khổ sở, người không ruộng thời gánh nặng, chạy chợ cả ngày; làm ruộng, đi chợ thỉnh-thoảng mới có nhà được ăn ngày hai bữa cơm, còn chỉ ăn khoai, cháo, cầm hơi, thê mà nét mặt vẫn vui-vẻ!

XXIII

Ba rằng có tính thuần-hòa

Dân biết sợ phép triều-đình, nước lụt mát mùa luôn, mà bán cả đồ-thờ nộp đủ thuế không dám thiếu. Ai thấy Bắc-kỳ làm giặc, nghĩ rằng hung-nghịch, mà kì-thực là phải sự hiệp-ức, sợ-hải, hoặc đói khổ, bất-đắc-dĩ mà làm liều; xưa nay thiệt không có người nào định chí đồ-vương, tranh-bá. Xem sách Quốc-sử thời biết.

XXIV

Bôn rằng có tính thông-minh

Thầy ai làm gì cũng mau học được, không ai dạy, chỉ nghe hơi và kinh nghiệm mà khéo. Ví thể người trên lại bảo họ cho cũng chẳng kém chi Tầu! Nhiều người không học mà tính, nết, việc làm, âm hợp sách dạy. Nói ngay như sự học-hành: học chữ Tầu, tiếng chạnh sai hết, không được như người bồi nói tiếng Tây bây giờ, thể mà làm văn-chương, thời ý-tứ, cách-điệu giống Tầu như in, thể thời thông-minh là thiệt!

XXV

Năm rằng phải tính xa-xỉ

Ta mỗi ngày mỗi nghèo, ai chẳng tưởng rằng hà-tiện, kì-thực xa-xỉ quá chừng. Nhiều nhà lo ăn từng ngày, mà sấm-sửa trang-hoàng trong nhà đáng vài, ba trăm bạc, có vốn phơi lộ ra ngoài hết, không biết để dành. Có người bộ-dạng sang-trọng mà nhà không có, ruộng cũng không.

ngày tết, ngày kị, ăn uống, thết khách tranh-dua thè-diện, đèn việc tang-ma thời bại sản không tiếc.

XXVI

Sáu rằng phải tính lười-biếng

Học-trò chỉ mong được thi đậu là xong nợ, làm dân chỉ mong được yên phận đủ ăn, quan bắt phiền, dân bắt nhiều là xướng nhất, vài, ba con giữ được cơ-nghiệp là phúc to, chẳng cứ khi thái-bình, khi loạn-lạc, ăn mình vườn ruộng thanh cao là quý. Ta, xưa ai làm được sự-nghiệp danh-tiếng lớn là nhờ may, còn người có chí làm nên thì ít có. Biết rằng làm việc này hãn được, nhưng hơi khó lại thời, thường rằng *mạc vì phúc thủ, mạc tác họa tiên* (莫爲福首. 莫作禍先).

XXVII

Bảy rằng phải tính ưa lạ

Ta tuy rằng có tính hiền cổ, nhưng cũng hay ưa mới, thấy ai làm gì tranh đua nhau bắt-chước, nhiều sự lắm, nói không siết: đại-khai thấy nhà ai có tính-thờ mới, có việc gì thời thử đèn kêu-cầu, thấy người nào mở hàng-thuộc mới, có bệnh thử xin thuốc chữa. Nhưng có tính hay chóng chán, nao-nức ít ngày lại hoàn nguyên tính cũ.

XXVIII

Tám rằng phải tính tự-dúc

Ta có tính khôn-khéo thì thường nhường người, đèn điều ăn-ở nghĩa-lý thời tự phụ mình rằng phải, không thấy được mấy người nhận lỗi bao giờ.

XXIX

Chín rằng phải tính mê-hoặc

Sự cúng-bái tin thứ nhất, còn các sự gì ai bảo cũng nghe, có người muôn bày đặt một câu truyện hư-không, thời mấy ngày đã lưu truyền khắp xứ. Còn như truyện chân-nhân khai-quốc, ông Phù-dồng, ông Tản-viên tái sinh, sự mê-hoặc ấy còn nhiều.

XXX

Mười rằng phải tính khải-vật

Nói truyện với nhau, hơi kềm-cạnh, tức khi sinh sự cãi nhau, đi kiện mật nghiệp cũng không tiếc. Có mưu bàn việc gì, trong bữa rượu khí-khải, khích-thiết, khi có việc tới nơi ngồi nom lẫn nhau, khí-khải theo cơn rượu tỉnh.

XXXI

Mười một rằng phải tính dả-dối

Tính dả-dối cũng thường, không có lạ gì, nhưng người ta dả-dối, hoặc vì được tài-lợi, hoặc vì được danh-tiêng, hoặc vì được tiện mình, mà dả-dối. Nay nhiều người, sự không quan-hệ gì, không ích-lợi gì, mà cũng dả-dối, là tính dả-dối quen thân. Tại làm sao biết? — Lần này nói thế này, cách lần sau hỏi lại nói khác, là tại nói lần trước nói dối, bạ sao nói vậy không nghĩ, hóa lần sau quên đi. Than ôi! ý chẳng chân-thực, thời bụng không chính-đính, bụng không chính-đính, thời mình không biết sửa-sang, nghĩ không can gì mà hại to lắm!

XXXII

Mười hai rằng phải tính ghen ghét.

Ta thường có tính ghét người hơn mình. Người quen biết cũng muốn cho nhau khá thực, nhưng làm chung một nghề thì không muốn. Ghét giấu sang hơn mình, thì cũng có người không; mà ghét danh-tiếng hơn mình thì ít người khởi. Lại nghe thấy người có hoạn nạn thì mừng, quen thân-thiết, cũng có lòng thương, nhưng mà không dám cứu hộ, thường có lúc chêm thêm vào để được lòng người trên.

Tóm xét lại ta được bốn tính tốt, phải tám tính xấu, mà hai tính cuối thì tệ quá. Ông Lục-tượng-Sơn (陸象山) có nói rằng: « Bụng dạ không chong sạch mà học sách, thì như là đem bình lương đồ dúp cho giặc. » Ông Vương-dương-Minh (王陽明) rằng: « Đương khi phong-tục bại-hoại, người ta như ở giữa bể lênh-dênh, phải vớt lên bờ rồi hãy cho cơm áo, nước-bàng vội vớt cơm áo cho nó, thì làm nặng thêm càng chóng đắm đuối. » Nay ta có người muốn xin phép kén-chọn học-trò tính nết, mời cho học đi thi, thực phải làm.



MỤC LỤC CÁC BÀI

	Trang.
Tựa.....	3
I Kính thờ tổ-tiên.....	5
II Sùng thượng đạo Nho.....	6
III Trọng điều danh nghĩa.....	6
IV Đàn-bà chuộng trình-tiết.....	7
V Học-hành.....	8
VI Buôn bán.....	12
VII Làm thợ.....	14
VIII Làm ruộng.....	15
IX Tôn giáo.....	16
X Cúng bái.....	19
XI Lệ làng.....	23
XII Khai-hạ.....	28
XIII Cười-xin.....	29
XIV Tang-ma.....	32
XV Cúng kỵ.....	35
XVI Cải mả.....	36
XVII Ngày tết.....	37
XVIII Thuốc thang.....	42
XIX Nàng-hầu.....	45
XX Cấm-kị, kiêng-khem.....	45

PHỤ CHÉP TÍNH-CHẤT

XXI Một rằng có tính nhớ ơn.....	48
XXII Hai rằng có tính cần-khở.....	48
XXIII Ba rằng có tính thuần-hòa.....	49
XXIV Bốn rằng có tính thông-minh.....	49
XXV Năm rằng phải tính xa-xỉ.....	49
XXVI Sáu rằng phải tính lười-biếng.....	50
XXVII Bảy rằng phải tính ưạ lạ.....	50
XXVIII Tám rằng phải tính tự-đắc.....	50
XXIX Chín rằng phải tính mê-hoặc.....	51
XXX Mười rằng phải tính khái vật.....	51
XXXI Mười một rằng phải tính dả-dối.....	51
XXXII Mười hai rằng phải tính ghen ghét.....	52

THU VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM